



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

PHONG TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN NÉT ĐẸP VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC

PHONG TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN
NÉT ĐẸP VĂN HÓA
CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**MÃ A LÊNH
TRIỆU THỊ PHƯƠNG
(Biên soạn)**

**PHONG TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN
NÉT ĐẸP VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC
VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**

**NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC**

HÀ NỘI - 2015

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mục tiêu xuyên suốt ba văn kiện quan trọng về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI) luôn luôn được khẳng định đó là: Văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học là sự nghiệp của toàn dân, vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vì vậy, giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống đặc sắc của cộng đồng, trong đó có mỹ tục thờ cúng tổ tiên, là một trong những phương cách kết nối tâm hồn, tình cảm của con người giữa quá khứ và hiện tại, hướng tới tương lai.

Góp phần nhỏ vào việc gìn giữ nét hay, nét đẹp của phong tục truyền thống, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc xuất bản

cuốn sách ***Phong tục thờ cúng tổ tiên - Nét đẹp văn hóa các dân tộc Việt Nam*** do hai tác giả Mã A Lềnh và Triệu Thị Phương biên soạn.

Cuốn sách giới thiệu phong tục, nghi lễ thờ cúng tổ tiên của một số dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đây là những giá trị văn hóa truyền thống quý báu do cha ông để lại mà mỗi người dân đều có trách nhiệm giữ gìn, kế thừa, phát huy trong việc xây dựng nếp sống văn hóa mới hiện nay và sàng lọc để những giá trị văn hóa đó sáng đẹp mãi lên.

Do khuôn khổ cuốn sách có hạn nên lần xuất bản này chưa giới thiệu được hết phong tục, nghi lễ thờ cúng tổ tiên của tất cả các dân tộc ở khắp các vùng miền đất nước. Rất mong bạn đọc thông cảm và chân thành góp ý để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

THỜ CÚNG TỔ TIÊN BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

Thờ cúng tổ tiên là một hình thức sinh hoạt tâm linh rất quan trọng trong đời sống thường nhật của các dân tộc ở Việt Nam vốn là cư dân gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Thực tiễn đó đã hình thành nên cách nghĩ, nếp sống thuần nông của từng cá thể, từng cộng đồng. Điều đó được thể hiện ở sự gắn kết với thiên nhiên: người Kinh khi gieo hạt ngô xuống đất, cắm khóm mạ xuống ruộng, bao giờ cũng phải “trông trời, trông đất, trông mây” hoặc gieo hạt vừng, trồng củ lạc thì phải thuộc lòng câu “bao giờ đom đóm bay ra...”; những người già M'ông thường căn dặn con cháu “trồng chuối phải lúc trăng mới lên, trồng mía phải lúc trăng khuyết, thiến lợn phải lúc trăng tròn”; kinh nghiệm đánh bắt của người Mường “trời ấm soi cá, trời rét soi chim”... Nên muốn, duy trì và bảo đảm cuộc sống ấm no thì con người vừa “khai thác” thiên nhiên nhưng cũng vừa phải thân thiện với thiên nhiên và bồi đắp trở lại cho thiên nhiên.

Trong tín ngưỡng dân gian, các dân tộc Việt Nam thường cho rằng người chết không mất đi mà biến hóa hòa đồng cùng thiên nhiên, tức là đi đến sống ở một thế giới khác không thuộc thế giới của người trần mắt thịt. Chết chỉ là sự mất đi của một thể xác, còn hồn, vía thì vẫn mãi tồn tại.

Trong tâm thức của các con dân đất Việt, tổ tiên không chỉ là người cùng huyết thống, như ông bà, cha mẹ, cô bác, chú thím của ta; là dòng họ của ta nối dài mãi mãi. Tổ tiên, đó còn là đồng bào; là một tổ Hồng Bàng; là Quốc tổ Vua Hùng; là các vị Thành hoàng làng, các vị tổ nghề, là những người có công bảo vệ xóm làng, quê hương đất nước... Tổ tiên, đó là quê hương, đất nước Việt Nam yêu dấu. Như vậy, tổ tiên còn gắn liền với truyền thống đoàn kết đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp nói chung, và của hầu hết đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng thường cho rằng nếp nhà cùng khói lửa là cõi thuần, còn phía bên ngoài là cõi hoang dã. Ở cõi thuần, cùng chung sống với con người có rất nhiều vị thần. Ấy là thần Bếp lửa ngự tại bếp sưởi, bếp lò; thần Cột nhà ngự tại cây chống nóc; thần Cửa chính mở từ gian giữa nhà ra ngoài; thần Buồng ngự tại buồng ngủ của ông bà chủ; thần Bản mệnh, thần Mẹ Hoa với người Tày, Nùng; thần Dực vương đối với thầy thuốc; thần Sắt đối với thợ rèn, đúc; các thần

Mặt trời, Trăng, Sao, muông thú... ngự trên ban thờ cùng tổ tiên theo quan niệm của người Mông. Ngoài ra, đồng bào còn quan niệm vạn vật cũng có hồn thiêng. Một vật do chính tay người tạo ra, khi nó thành một thực thể riêng thì nó cũng có hồn, như cây khèn, khẩu súng kíp, cái cày, cây bừa, con dao, cái cuốc,... Cho nên khi sử dụng thì nâng niu; ngày lễ, tết thì được nghỉ ngơi và còn được làm lễ tạ ơn bằng cách xếp tất cả các đồ vật chụm lại nơi ban thờ ngự cùng tổ tiên.

Như vậy, nghi thức thờ cúng tổ tiên là một phương thức ứng xử của cư dân nông nghiệp sống gần bó với rừng núi, thiên nhiên, mặt trời, mặt trăng, đất, nước, muông thú, hoa cỏ, cây ngũ cốc làm lương thực, thực phẩm... được đúc kết chung lại thành đạo đức và cách thức ứng xử của con người với thiên nhiên, bao gồm cả vô vàn những kinh nghiệm sống. Trong xã hội nông nghiệp, sự chuyển đổi từ hái lượm, bao gồm cả săn bắt những gì có thể ăn được để nuôi sống con người, cho đến khi nhận thức ra phải cấy trồng để giữ lấy những sản phẩm từ thiên nhiên, nên thân phận con người luôn gắn liền với thiên nhiên. Theo quan niệm của đồng bào, khi con người thác thân, tức là thân xác con người đã lại trở về với thiên nhiên, còn hồn thì vẫn bơ vơ vô phương vô định. Nếu như được cúng bái, hồn người quá cố sẽ tìm được nơi cư ngụ, cũng có nghĩa là người sống sẽ được yên ổn, trước hết là yên ổn ở cõi

lòng. Và hồn người quá cố không ở đâu xa, mà luôn sum vầy với chúng ta, tầng tầng lớp lớp. Cho nên, thờ cúng tổ tiên, trước hết, và quan trọng hơn hết, là mong cho tổ tiên, bao gồm cả trời, đất, nước, thiên nhiên... hóa thành các vị thần, thánh siêu nhiên phù hộ, độ trì cho con cháu có sức khỏe, dòng họ ngày một lớn mạnh, sản xuất phát triển, mùa màng bội thu, chăn nuôi tăng trưởng...

Thờ cúng tổ tiên là việc những người đang sống tưởng nhớ tới ông bà, cha mẹ, những người ruột thịt, họ hàng thân thích, bởi họ là những người sinh ra ta, là một phần máu thịt của ta. Và trong tâm thức của những người đang sống, tổ tiên là bất tử. Qua việc thờ cúng tổ tiên, người còn sống và người đã chết có mối liên hệ mật thiết và hỗ trợ nhau. Con cháu thờ cúng tổ tiên - tổ tiên che chở, phù hộ cho con cháu.

Thờ cúng tổ tiên là trao truyền đạo lý, lối sống, thái độ ứng xử cùng những kinh nghiệm sống cho thế hệ kế tiếp. Từ đó mà những kiến thức về cuộc sống vô bến vô bờ tiếp tục được mở rộng, bổ sung để cho đời sau phong lưu hơn ngày trước.

Như đã nói ở trên, việc thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng chung của cư dân nông nghiệp, trước tiên là của các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam. Tuy nhiên vì cuộc sống gắn liền với thiên nhiên nên việc định cư không ổn định. Có dân tộc sinh sống ở phố chợ, kinh kỳ hay ở đồng bằng đất hẹp người đông.

Có dân tộc sinh sống ở miền núi, luôn phải di chuyển vì nhiều lý do và mục đích khác nhau. Cho nên ý niệm và cách thức thờ cúng cũng thay đổi, do có thể lãng quên đi cách thức cổ truyền, hoặc do cần phải phù hợp với nơi ở mới,... Cho nên ở một số dân tộc thiểu số thường phát sinh thêm nhiều dòng, ngành. Từ đó, cách thức thờ cúng cũng có sự thay đổi, cải biến. Ví dụ như ở người Mông, thực tế có tới khoảng hơn 12 ngành. Tìm hiểu, nghiên cứu bài ca *Răn đường*, (còn gọi là *Chỉ đường*) - bài ca tiễn đưa người quá cố khi trút hơi thở cuối cùng, thì có nơi có đến 31 khúc ca, có nơi chỉ có 5 đến 8 khúc ca, nhưng có nơi lại có tới 37 khúc ca. Hay như Mo Mường sưu tầm từ người Mường ở Hòa Bình ít nhiều có sự xê dịch so với *Đẻ đất đẻ nước* (Tẻ tất tẻ nác) sưu tầm từ người Mường ở Thanh Hóa. Từ đó sẽ thấy phong tục luôn luôn có sự tiếp biến.

Các dân tộc ở Việt Nam, mỗi một dân tộc có riêng những quan niệm về thần, thánh, hồn, vía, ma, yêu quái (có thể gọi chung là thần và ma)..., nên những lễ nghi thờ cúng tùy từng nghi lễ mà mỗi dân tộc lại có cách tế lễ, cúng bái khác nhau về quy mô, về cấp độ. Song, hầu hết tựu chung có hai quan niệm: ma lành và ma ác. Ma lành, trong đó bao gồm cả tổ tiên khi chúng “làm việc” ban phúc lành cho con cháu, tức những người đang sống. Ma ác là những loại ma, quỷ phần lớn ở ngoài hoang dã, nhưng đôi khi cũng là tổ tiên, hay các vị thần trong nếp nhà có thể giở chứng

mà quay mặt trở lại gây hại cho người sống; hoặc do con cháu không cung phụng đầy đủ, để cho tổ tiên thiếu đói nên trở mặt quay ra gây hại cho con cháu, ví dụ như làm cho một ai đó ốm đau; hoặc rủ rê hồn cây trồng hay hồn vật nuôi bỏ đi, làm cho sản xuất lụi bại. Vì thế, đồng thời với bận rộn lao động sản xuất, đồng bào cũng luôn bận rộn với công việc cúng bái. Tuy nhiên công việc cúng bái không phải là một hoạt động hệ trọng, mà đó là một sinh hoạt thường nhật trong đời sống. Ngay như công việc tang ma, một sự kiện đột ngột, buồn đau nhưng không vì sự mất đi của ông bà, cha mẹ hay người thân mà trở nên bi lụy, chán chường. Thay bằng tình cảm kính trọng hay yêu thương của người sống với người đã khuất, con người ta không thể quỳ lạy mãi bên thi hài. Người sống đã biết thấp lên nén hương thơm để gửi gắm lòng mình tới người quá cố; thay vì những lời kể lể công ơn sinh thành, dưỡng dục của người quá cố đối với người còn sống, hay những lời giải bày lòng mình với người quá cố, người ta có thể chuyển hóa thành ra những bài ca mang nặng nghĩa tình, nhưng cũng chứa đầy niềm tin động viên, thúc giục người sống trở nên quật cường.

Như vậy, có thể nói, thờ cúng tổ tiên là một hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh đậm tình nghĩa của những con người ở hai cõi: Dương gian và Âm phủ. Và thờ cúng tổ tiên là một hoạt động mang đậm tính nhân văn, nhân ái sâu sắc vì nó không chỉ dừng ở ý

nghĩa tưởng nhớ những người đã khuất, cầu mong linh hồn tổ tiên phù hộ, che chở cho con cháu mà chính những lễ nghi được thực hành sẽ trở thành động lực an ủi, động viên con người vươn lên trong cuộc sống.

Lễ tục thờ cúng tổ tiên hoàn toàn là sinh hoạt dân gian, do nhân dân sáng tạo ra, do nhân dân thực hiện và duy trì. Người hành lễ hoàn toàn tự nguyện tự do thực thi nguyện cầu trong không gian nếp nhà của mình, dòng họ của mình, cho nên người dân hoàn toàn có quyền tự do điều chỉnh các lễ thức, lễ vật và cả những lời tâm ca cho phù hợp với hoàn cảnh, với thời cuộc, không có bất cứ một sự can thiệp nào từ bên ngoài nên vẫn nguyên vẹn ý nghĩa trong sáng, tinh khiết. Lễ tục thờ cúng tổ tiên chưa hề bị lạm dụng hay lợi dụng cho những ý đồ xấu, mờ ám, tham lam hay phản động, kể cả những yếu tố mê tín dị đoan làm cho con người trở nên mê muội, bị lụy, bởi vì chính người dân đã tự chặn giữ, thanh lọc và bảo toàn. Còn tổ tiên, ông bà, cha mẹ thì muôn đời muôn kiếp luôn luôn trụ trì vững chắc trong tâm khảm từ mỗi một thành viên cho đến cả cộng đồng.

Và đó là bản sắc văn hóa Việt Nam, một đất nước có đông dân tộc anh em cùng chung sống. Bản sắc đó sẽ không hề thay đổi, và không dễ gì thay đổi. Bản sắc đó chỉ có thể luôn luôn được các thế hệ bổ sung, bồi đắp để ngày càng trở nên thanh tao, tuyệt mỹ.

PHONG TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG

Từ quan niệm con người chịu sự chi phối của hai cõi Trời - Đất, người Tày, Nùng từ xa xưa đã thờ nhiều thể lực siêu nhiên, tức nhiều loại thần, được gọi là Phàng, Phi, Ma. Ban thờ được bố trí đặt tại vị trí trang trọng nhất của ngôi nhà. Tùy gia cảnh từng gia đình có thể đặt ban thờ to hay nhỏ nhưng trên ban thờ thường có ba hoặc bốn bát hương với quan niệm:

Bát thứ nhất để thờ tổ tiên cội nguồn, gọi là thờ *Đảm*, tức bát chủ. Bát hương này to hơn những bát khác và thường đặt ở chính giữa. Khi làm được nhà mới hoặc cần di chuyển tới một nhà mới thì gia chủ chọn ngày tốt để đưa bát hương vào nhà. Việc này phải nhờ đến *Căn tha chúng*, tức người có mắt sáng, biết hành nghề Pụt, Tào, Mo, Then. Theo quan niệm của đồng bào, đây là những người có khả năng giao tiếp

với người cõi âm. Theo phong tục, trong gia đình có người quá cố thì phận con cháu phải nhớ ngày tháng mất, thậm chí phải nhớ vài đời để còn làm giỗ; đồng thời những ngày này gia đình tránh làm những việc lớn, việc trọng đại như cưới gả, trồng cấy, phạt mộc, dựng nhà... Dân gian Tày, Nùng truyền tụng câu thành ngữ: *Tụm Đằm bấu đảy lạ/Tụm Phạ bấu đảy kin* (Trùng tổ tiên không được làm/Trùng trời không được ăn), ý nói: Trùng vào ngày ông bà mất thì con cháu phải tránh mọi việc, nếu không tránh thì sẽ động; ngày đầu năm mới có sấm dù có tham việc thì cũng không được ăn, làm việc nào hỏng việc nấy, từ cấy trồng cho đến cưới hỏi. Hay câu nói vần để răn dạy, nhắc nhở con cháu không được bỏ bễ việc thờ cúng: *Tả pỏ mẻ bấu ngòi/Tả dựa dòi bấu slớ* (Bỏ cha mẹ không trông/Bỏ tổ tiên không thờ); hoặc như câu tục ngữ: *Ruối bản ruối phạ ruối mùa lăng/Ruối pỏ ruối mẻ ruối tha hăn* (Phạm trời phạm đất nạn về sau/Phạm cha mẹ thì nạn trước mặt). Cho nên nếu không chăm lo đến việc thờ cúng tổ tiên, ông bà là vi phạm đạo đức nghiêm trọng.

Lễ lập bát hương ban thờ này được đồng bào tiến hành như sau:

Lễ vật gồm một con gà giò, đĩa xôi, hoa quả, bánh trái... đồng thời nhất thiết phải có hai tấm vải, một tấm màu đen và một tấm màu trắng tượng trưng cho cây cầu âm dương với ý nghĩa để chuyển đồ lễ sang cõi âm cho ông bà tổ tiên và các vị thần. Còn bát hương thì

được chuyển từ nhà cũ về. Trường hợp con cháu làm nhà mới thì lập bát hương mới nhưng phải lấy ba chân hương từ bát hương cũ vốn đã thờ tổ tiên sang. Các bát hương phải được rửa bằng nước lá bưởi rồi lau khô. Tro để trong bát hương được đốt từ rơm của lúa nếp, thu hái bằng cách ngắt từng bông, bó lại thành từng cum. Trường hợp ở xa, không kịp trở về lấy chân hương cũ thì viết tên ông bà, cha mẹ đã khuất của con trai vào tờ giấy rồi đặt dưới đáy bát hương. Dùng giấy điều và lá bưởi cắt hình tròn làm tiền xu, tượng trưng tiền dưới âm phủ. Đồng bào cho rằng lá bưởi có hương thơm nên có tác dụng tẩy uế. Khi mọi thủ tục đã chuẩn bị xong, gia chủ quỳ gối trước mâm lễ. Tiếp đến thầy cúng thỉnh báo lên các vị thần thánh xin được lập bát hương mới cho gia chủ. Trong khi thầy cúng tiếp tục cầu khẩn thì gia chủ đổ tro vào bát hương. Khi bát hương đầy tro thì thắp ba nén hương cắm lên. Thầy cúng rải hai tấm vải đen và trắng lên bàn thờ. Bên mâm lễ và bát hương, còn có thêm một con gà, một con vịt sống và một chậu nước, với quan niệm chậu nước tượng trưng cho biển cả, còn vịt thì đưa gà đi lấy vía. Gia chủ giúp thầy cúng đưa bát hương lên bàn thờ. Thầy cúng đọc bài ca dâng lễ vật lên tổ tiên và các thánh thần. Trong khi thầy cúng đọc thì một người cầm lồng gà và vịt từ từ di chuyển từ dưới lên bàn thờ. Một người khác nâng đĩa xôi, con gà đã mổ, luộc chín theo sau. Kế tiếp gia chủ cầm bát hương và ngọn đèn đang cháy đặt lên bàn thờ. Cần lưu ý là bát hương,

ngọn đèn phải luôn cháy trong ba ngày tiếp theo. Trong trường hợp không có nhân lực trông coi nhà cửa thì cũng phải thắp hương, thắp đèn vào các buổi sáng, trưa, tối.

Bát thứ hai thờ ma chức sắc, tiếng Tày - Nùng gọi là *phi ham*. Nếu gia đình từng có người hành nghề Pụt, Tào, hoặc đang có người hành nghề thì ban thờ ma chức sắc phải đặt riêng. Còn nếu đặt chung trên ban thờ thì dùng một tấm ván ngăn cách ban thờ tổ tiên và ban thờ ma chức sắc. Bên ban thờ ma chức sắc (*phi ham*) đặt hoặc treo các dụng cụ của người hành nghề. Những nhà thờ ma chức sắc, khi có lễ cúng, hay Tết Rằm tháng Bảy và Tết Nguyên đán bao giờ cũng phải chuẩn bị một hũ rượu ngọt để dâng *phi* Tổ sư của mình. Hũ rượu cúng được ủ bằng gạo nếp ngon. Người ủ rượu không được nếm, không được cho trẻ ăn. Xôi đã rắc men cho vào hũ, bịt miệng hũ thật kín. Phía ngoài hũ bịt thêm giấy hoặc vải điều, gài thêm lá bưởi, theo quan niệm của đồng bào, để rượu không bị ô uế. Bên cạnh ban thờ dựng hai cây mía tươi, gọi là *tậu bà Vương* (gậy bà Thánh), tượng trưng cho cây gậy thần để Tổ sư chống khi đi về cõi âm. Khi mở hũ rượu dâng thánh, thầy cúng dùng phần ngọn mía đã được vót nhọn chọc xuống hũ rượu, quệt vào chén dâng lên ban thờ rồi mời Tổ sư và các thánh thần hưởng. Nhà nào thờ *phi ham* thì con cháu không được giết chó, mổ bò và cũng không được mang thịt từ nơi khác về nhà nấu ăn. Dân gian cho rằng, nếu phạm phải quy ước này,

người nhà có thể bị ốm đau, tai nạn, tai họa bất chợt, hay người hành nghề có thể bị truất mất quyền hành nghề. Mỗi kỳ hạn ba năm, người hành nghề Pụt, Tào phải làm lễ khao binh mã, gọi là *lẩu khẩu slảo* dâng lễ vật cho Tổ sư *phi ham* để Tổ sư chăm nuôi binh mã. Làm như thế thì người hành nghề cũng được nâng bậc. Khi người hành nghề Pụt, Tào qua đời, nếu trong gia đình không có người nối nghề thì gia đình phải làm lễ thu hồi binh mã vì cho rằng làm như vậy, *phi ham* sẽ không còn về quấy nhiễu gây ốm đau, bệnh dịch hay làm ăn thất bát cho gia đình.

Bát thứ ba thờ thần bản mệnh, gọi là thờ *minh*. Người Tày, Nùng quan niệm mệnh của con người do hai ông Nam Tào và Bắc Đẩu quản lý. Thần Bắc Đẩu quản lý, trông coi số sinh. Thần Nam Tào trông coi, quản lý số tử. Do đó khi trong gia đình có người ốm đau, người Tày, Nùng thường làm lễ cầu yên, còn gọi là kỳ yên, thực chất là lễ giải hạn.

Bát thứ tư thờ Mẹ Hoa, tiếng Tày gọi là *Dả Va, Mế Bioóc*, người Nùng còn gọi là *Mế slam rẩu cấu nôm*, tức mẹ có chín vú, hay là bà Cửu thiên huyền nữ Hoa Vương Thánh Mẫu, còn gọi nôm na là Bà Mụ. Mẹ Hoa có trách nhiệm trông coi vườn hoa muôn sắc trên thế gian, đồng thời ban hoa, hiếu theo nghĩa rộng tức là những gì tốt đẹp, thuần khiết cho con người và muôn loài dưới trần gian. Vậy nếu cặp vợ chồng nào sinh con khỏe mạnh là do gia đình đó chăm lo thờ phụng Mẹ

Hoa, nên được Mẹ ban cho bông hoa đẹp, to, khỏe khoắn. Gia đình nào trẻ nải thờ phụng Mẹ thì sẽ chỉ nhận được những bông hoa yếu ớt, ủ rũ. Bát hương thờ Mẹ Hoa thường được lập khi người phụ nữ sinh con đầu lòng, khi đứa trẻ đầy tháng. Cũng có gia đình lập bát hương khi thai nhi mới được ba tháng hoặc bảy tháng. Thủ tục lập bát hương này do bên ngoại đảm nhận. Người Tày, Nùng quan niệm con người sinh ra là do Mẹ Hoa ban cho phần hồn. Còn cha sinh, mẹ đẻ chỉ giữ phần thân xác. Cho dù đứa trẻ đã được sinh ra nhưng Mẹ Hoa vẫn nắm giữ phần hồn cho đến khi trưởng thành. Như vậy, tất thấy mọi người trên thế gian đều là con của Mẹ Hoa. Thế nên người Tày, Nùng rất chú ý chăm sóc con cái khi còn nhỏ tuổi; họ cho rằng nếu đối xử với con cái tàn tệ thì Mẹ Hoa sẽ đòi lại con bằng cách thu hết hồn vía cho đi đầu thai nơi khác. Khi đó đứa trẻ sẽ trở nên ốm yếu rồi chết yểu.

Lễ vật lập bàn thờ Mẹ Hoa thường chỉ là cỗ chay. Duy nhất có con gà giò luộc thì khi mổ cũng phải để lại một nhúm lông trên đầu, vài sợi lông đuôi và cánh tượng trưng cho gà đang sống để dâng Mẹ Hoa mang về trời. Bát hương thờ Mẹ Hoa có gia đình để trong buồng, song thường để trên bàn thờ cùng các bát hương khác nhưng phải tách biệt, không được để ngang bằng. Bát hương có thể là một ống bơ hay ống tre, bương, bên ngoài bọc giấy hồng điều, bên trong bỏ tro sạch. Nếu là trẻ sinh một, người ta làm hai xâu hoa

bằng giấy bạc, mỗi râu mười hai bông xuyên vào que rồi cắm vào ống hương. Đóng một giá hình chữ L, đặt ống hương vào đó, rồi cắt giấy bạc hình người và hoa dán phía sau ống hương. Nếu sinh đôi, người ta sẽ cắt dán hình mười hai con cá, mười hai ngôi sao đồng thời gấp hình đôi chim én đều bằng giấy bạc, râu lại thành hai râu. Mỗi râu sáu con cá và sáu ngôi sao, trên cùng là con chim én, với quan niệm chim én mang cá cùng ngôi sao lên trời. Hai râu cá và sao này gắn vào một chiếc que cùng cắm vào ống hương. Bát hương thờ Mẹ Hoa được đặt trên ban thờ cho đến khi đứa trẻ được mười hai tuổi thì cất bỏ. Người Nùng An (Cao Bằng) còn để đến khi đầy ba mươi sáu tuổi mới mời thầy đến làm lễ cất bỏ, nhưng chân hương và tro được gói kỹ giấu kín vào kẽ đá nào đó không con vật nào có thể đụng chạm tới.

Có thể nói, tiêu biểu trong tín ngưỡng của người Tày, Nùng là thờ cúng tổ tiên. Việc thờ cúng tổ tiên xuất phát từ sự ghi nhớ công ơn nguồn cội có gắn với quan niệm về sự bất diệt của linh hồn con người sau khi chết, có tác dụng nhắc nhở con cháu phải giữ gìn tôn ti trật tự truyền thống. Thờ cúng tổ tiên là nhiệm vụ của gia chủ. Không kể các dịp lễ tết, thờ cúng tổ tiên được diễn ra vào ngày mùng Một và ngày Rằm hàng tháng. Trong những dịp cúng lễ, bao giờ đồng bào cũng cúng tổ tiên trước rồi mới cúng đến các thánh thần. Bàn thờ được lau dọn sạch sẽ, thắp hương nhang, bày lễ vật. Để tăng vẻ linh thiêng quan trọng, trước khi

cúng, chủ gia đình thường tắm gội, mặc quần áo chỉnh tề. Người Tày, Nùng quan niệm gia đình nào chu đáo lễ nghĩa với tổ tiên thì làm ăn mới thuận hòa, phát đạt. Ngược lại, ai trễ nải thờ cúng thì sẽ làm ăn lụi bại, chết yểu.

Do tính chất trang trọng này nên theo phong tục, đồng bào thường cấm đoán phụ nữ, nhất là con dâu, cháu dâu... tới gần ban thờ. Khi chủ gia đình vắng nhà, người vợ sửa lễ, nhưng hiến tế, cúng thì phải mời chú, bác.

Nghi lễ thờ cúng trong gia đình của người Tày, Nùng gồm có nghi lễ thường kỳ và nghi lễ bất kỳ. Nghi lễ thường kỳ là các nghi lễ mang tính chất truyền thống theo lịch tiết quy định hằng năm. Tính theo âm lịch, trong các ngày mừng Một, Rằm, đặc biệt là Tết Nguyên đán, Tết Thanh minh, Tết Rằm tháng Bảy... đồng bào thường mổ lợn, gà, vịt, nấu các món ngon, thắp hương lên bàn thờ dâng mời tổ tiên hưởng lễ. Ngày Ba mươi Tết, trước khi cúng tổ tiên, có nơi đồng bào để sẵn trên ban thờ một bát nước trong, chủ nhà cầm cành thanh táo nhúng nước rảy ra xung quanh nhằm tẩy uế bụi bặm, ốm đau, những điều xúi quẩy, lời ăn tiếng nói không hay trót bột phát... rồi mới trình trọng đọc lời khấn:

Hôm nay tháng Giêng ngày Ba mươi (?)

Đón xuân sang năm mới

Hoa mận nở trước nhà, hoa đào tươi trước ngõ

Mọi thứ hoa rực rỡ đầy cành

Dương trần sắm được cỗ

Mâm khiêng năm, hũ khiêng hai
Con lợn to, con gà béo
Rượu bày nhiều, cỗ có đủ
Com nếp cẩm lá tươi, com màu cẩm lá thắm
Cả chuối mía trên cỗ, trà lam bánh gạo nở
Bên ăn chay có chay, bên ăn tạp có tạp
Cỗ này cỗ đón xuân, tiệc này mừng sang Giêng
năm mới
Mọi người mặt cười tươi uống trà
Tất cả tươi như hoa uống rượu
Sơ suất gì xin đừng trách quở, sai sót gì xin hãy
bỏ qua
Được ăn ban lời đẹp, được uống phù hộ tốt về
sau
Phù hộ lấy nòi giống mình sinh
Phù hộ lấy cháu con mình nở
Nòi mình sinh mình bấu, giống mình nở mình
quý
Từ nay bệnh tật không về quấy, ốm đau chẳng về
hành
Mọi người đi nương không mỏi chân, đi ruộng
không chồn gối
Nuôi vịt đầy bãi sên, nuôi gà nhiều lũ lữ
Mái lên ấp mái xuống, mái nuôi con mái nở
Chen chúc bầy cá chép, đầy đặc lũ cá chầy
Gà vịt đầy bãi sên, trâu bò đầy chuồng ở
Phù hộ con dưới trần, phù hộ cháu dưới bàn thờ
tổ

Nửa đêm không mộng dữ, gà gáy không mơ
quàng

Không mộng gì răng gãy trong miệng

Không mộng gì áo rách trên người

Không mơ ngủ lang thang ngoài đường tử phạt

Phù hộ lấy con nhỏ, phù hộ lấy cháu thơ

Vía nhớ lạc trong rừng, Tổ hãy đi bế về

Vía nhớ rơi ngoài đồng, Tổ hãy đi đón lại

Nói mình sinh mình báu, giống mình để mình
yêu

Rồi ra Mồng một còn thấp hương

Ngày Rằm còn có hoa dâng đến

Cả Ông Tổ bảy đời nơi cửa,

Tổ năm đời chốt giữ đại môn

Đóng cửa ngăn kẻ dữ bên ngoài

Chốt cửa giữ cháu mình bên trong

Đóng cho chắc, chốt cho dày cho vững

Nàng bếp núc, ông quản lò Vua Bếp

Lửa không rơi xuống rạ, nước không đổ vào lửa

Đừng cho lửa bắn cháy chảo ghênh

Chớ cho lửa bay lên mái nhà

Từ nay cả cụ Tổ, cụ Tiên, Tổ bác, Tổ chú

Gốc Mẹ Hoa, bà Mé Mụ

Cụ bảy đời canh cửa,

Cụ năm đời chốt giữ đại môn

Nàng bếp núc, quan quản lò Vua Bếp

Phù hộ nhà bốn cột, lầu bốn góc chắc như sơn
thạch

*Được ăn con luôn nhớ; phú quý con không quên
Công ơn con tạc lòng ghi dạ
Mồng Một còn có hương lên thấp
Ngày Rằm còn có hoa lên dâng
Hương dâng không nhớ trưa, hoa lên không nhớ
tối
Bây giờ rượu ba tuần xuống rót, trà lượt ba lên
dâng
Lần rượu này lần chót, lượt rượu này lượt thôi
Kể nhiều hóa thành trưa, mời nhiều thành ra tối
Mọi người uống cho say
Ăn cho nhiều cho chắc
Ăn không hết lấy đòn sóc về sóc, lấy đòn gánh về
gánh
Gánh về chia nhiều bữa, đưa về để nhiều ngày
Cả vàng bạc đếm trăm, cả trâu cau đếm ngàn
đếm vạn
Dương gian con xin nộp.*

Thông thường sáng ngày mừng Ba Tết, nhà nhà sau khi cúng xong thì làm lễ hóa vàng, tức là đốt vàng mã với quan niệm dâng tiền bạc, hoa trái, những điều tốt đẹp, mừng vui để tổ tiên mang về cõi Mường Tổ làm vốn. Đồng bào còn có tục vào chiều Ba mươi tháng Giêng ăn *Tết Đắp nội* (Tết nhỏ) kết thúc một tháng ăn chơi và nghỉ ngơi để chuẩn bị cho một năm mới. Nhà nhà gói lại bánh chưng, mổ gà làm cỗ cúng tổ tiên.

Ngày mồng Ba tháng Ba là Tết Thanh minh, đồng bào có tục tảo mộ. Nếu ngày hôm trước, tức mồng Hai

không phải ngày phạm thì các nhà đã tảo mộ xong, công việc gồm dọn cỏ, sửa sang, cắm giấy bản, chuẩn bị giàn đặt mâm cúng để ngày mùng Ba chỉ việc mang đồ lễ đến làm dâng cúng. Thông thường, mâm cỗ cúng có gà luộc nguyên con, thịt lợn, măng nhồi thịt, cá, tôm, bánh trôi, xôi ngũ sắc... Riêng mâm thờ tổ tiên (mâm *ham*) tại nhà chỉ đặt bánh trôi vì tổ tiên không ăn tạp.

Ngày mùng Năm tháng Năm là Tết Đoan ngọ (diệt sâu bọ). Sáng sớm ngủ dậy, mọi người được ăn các loại hoa quả, đồng thời gia chủ đã bày sẵn nhiều loại hoa quả tươi, chè đỗ đen lên ban thờ và đã thắp hương nhang, khấn mời tiên tổ. Sau cỗ hoa quả, các nhà làm cỗ mặn khấn mời tiên tổ rồi mời bà con lối xóm đến cùng liên hoan.

Ngày Mười bốn tháng Bảy, đồng bào có tết *Síp sí*, là tết lớn thứ hai trong năm. Thành ngữ Tày có câu: "*Péng tái vại phằng*", tức là bánh mật đeo trâu vui sướng. Bởi khi đó trâu đã cày bừa xong, vịt cũng béo đầy, mọi nhà riu rít chuẩn bị lá chuối phơi tái để gói bánh mật dâng lên tổ tiên. Thịt vịt và bánh mật là món ăn chính của ngày tết này. Nếu tết chính vào tháng Giêng, con cháu có gà trống thiến cùng bánh dày mang biếu bên ngoại (*vãi*) thì tết Mười bốn tháng Bảy này con cháu cũng có vịt béo, bánh mật thơm lừng mang biếu tặng để chúc phúc người già và ông bà bên ngoại, và họ cũng không bao giờ quên khấn mời tổ tiên. *Bươn chiêng vắn so ết/Bươn chắt vắn síp sí* (Tháng Giêng ngày mùng Một/Tháng Bảy

ngày Mười bốn) là câu thành ngữ mà ai cũng nhớ và thuộc.

Trong năm đồng bào còn có lễ mừng cơm mới được tổ chức khi lúa tẻ đã bắt đầu gặt, lúa nếp đã chắc đồng. Ngày này nhà nhà hân hoan ra đồng ngắt bông lúa nếp về làm cốm thơm dẻo dâng lên ông bà, tiên tổ, trở thành ngày hội cốm của cả làng, cả bản. Ngày này nam thanh nữ tú diện những bộ quần áo đẹp đến nhà nhau cùng giã cốm. Họ còn tổ chức hát mời Nàng Hai (Nàng Trăng) xuống cùng vui chơi múa hát mừng mùa màng bội thu, thành quả không chỉ do công sức cấy trồng của họ mà còn nhờ tổ tiên phù hộ, độ trì.

Nghi lễ bất kỳ có nhiều loại, trong đó đặc biệt có nghi lễ tạ tổ được thực hiện khi gia đình gặp hoạn nạn hoặc có người ốm đau, hoặc gia súc nuôi bị chết... Ngoài ra, trong quan niệm của đồng bào, tổ tiên được coi là vị thần bản mệnh đóng vai trò quan trọng đối với sự hưng thịnh của mỗi gia đình nên mỗi khi gia đình có việc lớn như cưới xin, tang ma, làm nhà mới, con cháu có việc đi xa... họ đều sắm lễ vật thắp hương trình báo, xin phép tổ tiên, cầu xin tổ tiên phù hộ. Trong những dịp như vậy, anh em, họ hàng gặp nhau ôn lại kỷ niệm của những người đã khuất nhằm tăng thêm tình đoàn kết dân tộc, đồng thời răn dạy, giáo dục con cháu luôn nhớ về cội nguồn, nhớ về những người đã sinh thành, nuôi dưỡng mình.

II NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Cũng như các tộc người khác, người Khmer Nam Bộ quan niệm tổ tiên sinh ra ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ, cha mẹ sinh ra mình. Vì vậy, nghĩa vụ đầu tiên của con cái là phải biết ơn công sinh thành của cha mẹ; biết ơn cha mẹ thì phải hiếu thảo với ông bà, tổ tiên. Vì vậy, khi ông bà, cha mẹ còn sống thì con cháu phải chăm lo phụng dưỡng, phải nghe lời dạy bảo của bề trên; khi ông bà, cha mẹ qua đời thì con cháu phải thờ phụng, cúng bái đầy đủ để cầu mong sự phù hộ độ trì, và cũng là thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Tuy nhiên người Khmer không thờ ông bà, tổ tiên tại nhà như nhiều dân tộc khác nên trong nhà không có bàn thờ. Các nghi lễ thờ cúng của đồng bào đều được thực hiện tại chùa. Chùa Khmer là nơi linh thiêng. Đồng bào đem lễ vật là cơm nước, bánh trái, hoa quả... vào chùa dâng lên Đức Phật và sư sãi, đồng thời đọc kinh để gửi lời nguyện cầu tới ông bà, cha mẹ. Theo phong tục của người Khmer, sau khi mất, con cháu đem hài cốt của ông bà, cha mẹ, người thân gửi vào ngôi tháp trong chùa. Những ngày lễ tết, sóc vọng... họ cùng nhau đến

chùa để cúng bái. Đồng bào cho rằng, dù là thế giới vô hình hay hữu hình vẫn luôn có mối liên hệ và quan hệ mật thiết. Người Khmer tin rằng qua lời kinh và khói hương dâng cúng là dịp người cõi dương và cõi âm gặp gỡ. Như vậy, chết chưa phải là hết. Chết chỉ là tạm thời trống vắng về thể xác trên cõi dương gian, còn linh hồn thì vẫn còn lảng vảng, phảng phất quanh con cháu, cho nên “dương sao âm vậy”. Vì thế trong lễ Đại cầu siêu, người Khmer phải sắm sửa đủ những vật dụng cần thiết, rồi nhờ lời kinh kệ mà gửi tới hồn người ở cõi âm.

Người Khmer thường tổ chức thờ cúng ông bà trong chùa vào các dịp lễ hội lớn trong năm như lễ Sênh đol ta, Chol chnăm thmay. Ngày Chol chnăm thmay đồng bào tổ chức đắp núi cát, còn trong dịp Sênh đol ta (như lễ Vu Lan của người Kinh) đồng bào luân phiên dâng ẩm thực cho chư tăng để hồi hướng phước.

Sống làm phước, cống hiến nhiều cho sự sãi, cho nhà chùa là đạo lý truyền thống của người Khmer. Chùa là nơi ngụ của Phật, cũng là nơi ở của các vị tiền nhân. Vì thế, trước khi ăn một thứ gì ngon, đầu mùa vụ, như quả bánh, hoa quả, người Khmer thường bẻ, cắt một miếng dâng lên sự sãi, nhà chùa trước. Thông thường, các gia đình người Khmer mỗi tháng mang lễ vật đến chùa thường thì sáu lần, tối thiểu cũng phải bốn lần, vào các ngày mồng Tám, Mười lăm, Hai mươi ba và Ba mươi. Trước khi mang cơm nước, bánh trái vào chùa, người Khmer phải thắp nhang trên ban thờ

Phật đặt ở nơi trang trọng nhất tại gia đình; chấp tay vái ông bà, cha mẹ, những người thân đã khuất để họ chứng giám cho lòng thành của mình. Trong tâm thức của đồng bào, được làm phước, con người sẽ thoải mái. Tính bình quân mỗi năm người Khmer làm đám phước hai mươi hai lần theo tín ngưỡng Phật giáo, chưa kể tham gia những lễ tết theo phong tục của các dân tộc xung quanh. Trong các đám phước, có một số đám chính dành riêng để tưởng nhớ, thờ phụng tổ tiên.

Lễ dâng phước (*Banh đă*): Sau khi người thân qua đời được bảy ngày, người Khmer tổ chức lễ dâng phước cho người quá cố tại gia đình. Thời gian thường là một đêm và một buổi sáng. Gia chủ mời bà con đến dự càng đông vui càng tốt, họ quan niệm như thế gia chủ mới có được nhiều phước lành. Lễ dâng phước được thực hành theo nghi thức Phật giáo. Buổi tối tiến hành lễ bái Tam Bảo, thọ ngũ giới, mời nhà sư đến tụng kinh, dâng sữa, trà, đường lên sư sãi. Sáng hôm sau thì dâng cơm lên sư, mời sư sãi tụng kinh cầu siêu, cầu phước rồi dâng lễ vật lên chùa.

Lễ dâng phước của người Khmer xuất phát từ một sự tích được ghi trong kinh Phật, rằng xưa xưa nàng Milika là vợ của vua Pakaseti Kosol ở xứ Savathay. Từ thuở bé thơ nàng đã thường làm phước. Nhưng nàng đã phạm tội nói dối chồng và không chung thủy với chồng nên sau khi chết, nàng bị đày xuống địa ngục. Hồi bấy giờ Đức Phật còn tại

thế. Ông vua Pakaseti Kosol đến hỏi Đức Phật:

- Tại sao vợ tôi vẫn thường làm phước mà lại bị đầy xuống địa ngục?

Đợi sau bảy ngày, Đức Phật mới trả lời:

- Hôm nay nhà ngươi hãy về làm phước để dâng phước lành cho vợ và muôn dân. Làm được như vậy vợ nhà ngươi mới được thoát lên cõi Niết bàn!

Ông vua, khi đó đã già nhưng vẫn cố làm theo lời dạy của Đức Phật. Từ đó muôn dân được sung sướng, an lành, còn vợ ông thì được hưởng phúc đức ở cõi Niết bàn.

Lễ giỗ (*Banh khuôp*): Sau đúng một trăm ngày hoặc sau mười hai tháng (một năm tròn), vào ngày ông bà hay cha mẹ mất, người Khmer tổ chức đám phước mời khách khứa đến đông đúc và ăn uống linh đình để tạo phước cho ông bà, cha mẹ. Lễ được tổ chức tại nhà, cũng kéo dài một đêm và một buổi sáng theo nghi thức Phật giáo. Tuy nhiên đối với những gia đình khó khăn về kinh tế, họ không tổ chức tại gia đình mà chờ đến ngày lễ cúng ông bà, tiếng Khmer gọi là *sênh đol ta* mới làm cơm, sắm bánh trái và ít tiền mang lên chùa dâng Đức Phật và ông bà, cha mẹ.

Lễ cúng ông bà, cha mẹ (*Banh sênh đol ta*): Trong kinh điển Phật giáo có ghi sự tích, rằng ngày xưa ngày xưa, tại một vương quốc nọ, cứ đêm đến là vang lên những tiếng khóc lóc thảm thê hòa lẫn với tiếng kêu chí chóe rùng rợn của ma quỷ khiến nhà vua tuy ở

trong hoàng cung kín cổng cao tường mà vẫn không thể ngủ yên. Cả triều đình lo lắng không hiểu chuyện gì. Nhân Đức Phật đến vùng đó để thuyết pháp, nhà vua mới hỏi:

- Kính thưa Đức Phật, vì sao mỗi đêm đến là lại nổi lên tiếng than khóc, tiếng kêu la cả trong và ngoài hoàng cung của tôi?

Đức Phật giải thích:

- Đó là vong hồn của những kẻ cô đơn. Nhiều vô kể. Họ không thân tộc, họ hàng, không con cháu cho ăn uống. Họ đói khát quá rồi. Nếu bệ hạ muốn tiếng kêu than chấm dứt thì bệ hạ hãy nấu thật nhiều cơm, nắm thành nhiều nắm để xung quanh hoàng cung rồi mời các vong hồn đó đến ăn. Làm liên tục mười lăm ngày. Đến ngày thứ mười lăm thì dâng cơm lên các sư sãi và làm lễ cầu siêu cho các vong hồn ấy!

Nhà vua vâng lời. Quả nhiên tiếng kêu than khóc lóc không còn nữa.

Dựa theo tích này, hằng năm, khi việc gieo cấy đã xong, từ ngày Mười sáu đến ngày Ba mươi tháng Fetrobet, trùng với tháng Tám âm lịch của người Kinh, đồng bào Khmer Nam Bộ tổ chức lễ cúng ông bà, gọi là *sênh đol ta*. Còn người Khmer ở Campuchia thì gọi là *banh fchum bonh*. Đây là một trong ba lễ lớn nhất của người Khmer, gồm tết Chol chnăm thmay, lễ Ooc om booc, và lễ Sênh đol ta. Lễ *Sênh đol ta* được tổ chức liên mười lăm ngày để tưởng nhớ ông bà, cha mẹ

và những người ruột thịt, người thân đã khuất, đồng thời cầu siêu cho linh hồn của họ mau được siêu thoát. Đến ngày quy định, các tổ trưởng, tiếng Khmer gọi là *mê vênh* đến từng nhà trong tổ mình kêu gọi quyên góp gạo, tiền để mua thịt, bánh trái... đem lên chùa dâng sư sãi. Buổi tối, họ nấu cơm rồi nắm thành từng nắm đặt vào mâm cùng bánh trái, hoa quả đặt lên chánh điện để cúng Tam Bảo và mời nhà sư tụng kinh cầu siêu cho tất cả các linh hồn trong dòng họ đã chết. Sau đó mang những nắm cơm đặt xung quanh chánh điện. Đồng bào còn làm lễ thọ giới và mời sư sãi thuyết pháp. Các tổ luân phiên nhau tổ chức liên mười lăm ngày, gọi là *Canh banh*. Ngày thứ mười lăm, vào buổi chiều, những gia đình khá giả dọn dẹp nhà cửa, trang hoàng lại bàn thờ Phật. Sau đó làm mâm cơm, xới ra bốn chén cơm, sắp bốn đôi đĩa, thấp nhang, đèn rồi mời bà con lối xóm đến cùng cúng. Lời khẩn đại ý là mời những linh hồn người đã khuất về nhà nghỉ ngơi, ăn uống được nhắc đi nhắc lại ba lần, mỗi lần nhắc lại đều rót trà và rượu. Kế đó họ gấp thức ăn, mỗi thứ một ít để vào chiếc chén được làm bằng bẹ chuối, tiếng Khmer gọi là *pe*, rồi rót trà, rượu vào mang ra để cạnh bờ rào, cắm thêm cây nhang mời ma quỷ đã dẫn lối tổ tiên về thụ hưởng và vui lễ, đồng thời cảm tạ ma quỷ lại đưa lối tổ tiên trở về nơi cũ. Theo quan niệm của người Khmer thì ma quỷ không dám ăn chung mâm với tổ tiên nên phải cho chúng ăn riêng.

Sáng sớm, mọi nhà không kể sang hèn, giàu nghèo trong phum, sóc đều làm cơm nước, sắp xếp bánh trái rồi cùng nhau đi lễ chùa. Tại chùa, sư sãi tụng kinh cầu phước, cầu siêu cho những người đã quá vãng lên cõi Niết bàn hoặc đầu thai sang kiếp khác được sung sướng, an lành hơn.

Đến chiều, có những gia đình trở về nhà làm lễ tiễn đưa tổ tiên. Họ cũng sắp dọn cơm, bánh trái như ngày đầu đón tiếp. Cũng xới bốn chén cơm, sắp bốn đôi đĩa và mời bà con lối xóm đến cùng cúng phụng. Sau khi khấn đủ ba lần, họ lấy cơm, thức ăn, bánh trái, hoa quả mỗi thứ một ít xếp vào con thuyền buồm. Con thuyền này được làm bằng bẹ chuối. Trên thuyền có cắm cờ phướn hình tam giác, đồng thời làm một con cá sấu có hình khắc ở đầu và ở đuôi. Theo quan niệm của họ, con cá sấu này sẽ bảo vệ ông bà đi đường. Ngoài ra còn có thêm một túi đựng muối, hạt đậu, thóc, mè (vừng), bánh trái... để tổ tiên và ma quỷ mang về ăn lâu dài. Khi đã sắm sửa đủ đồ lễ, người ta mang chiếc thuyền thả ra sông, lạch gần nhà. Sau đó mới mời bà con cùng chung vui ăn bữa cơm.

Lễ cầu siêu (*Banh băng skol*): Người Khmer quan niệm, tất cả mọi người dù sống hay chết đều là chúng sinh của Đức Phật, phần hồn luôn được Đức Phật độ trì, và đều mong muốn linh hồn người chết thuộc dòng họ mình được siêu thoát. Vì vậy hằng năm người Khmer thường tổ chức lễ cầu siêu (*Banh băng skol*) tại nhà rồi mới lên chùa mời sư sãi tụng kinh. Tuy nhiên

cũng có trường hợp tiến hành lễ chung tại chùa.

Lễ này được tổ chức vào dịp tết *Chol chnăm thmay*, cụ thể là chiều mùng Ba tết, tức là ngày *lon sac*. Các gia đình đều chuẩn bị ướp nước hương (*tuc op*) cho sẵn vào bình để lên chùa tắm cho Đức Phật (*sron tuc Pras*). Sau khi làm nghi thức tắm cho Đức Phật xong mới vào chánh điện làm lễ cầu siêu (*băng skol*). Có gia đình sau khi làm lễ tập trung tại chánh điện xong, còn mời sư sãi đến ngôi tháp chứa hài cốt người thân của mình tụng kinh cầu siêu một lần nữa, rồi lấy nước thơm tắm cho Đức Phật tưới lên ngôi tháp để cầu mong linh hồn người thân của mình chóng được siêu thoát. Lễ cầu siêu đến đó là chấm dứt.

Không chỉ trong các dịp lễ tết, người Khmer còn thờ cúng tổ tiên khi gia đình có việc lớn như cưới hỏi, nhập thánng đầy tuổi (như lễ đầy thánng của người Kinh), làm nhà mới, đám tang...

Như vậy, tục thờ cúng tổ tiên của người Khmer đã có từ lâu đời; đồng bào tổ chức thờ cúng trong nhiều trường hợp khác nhau và hầu như trong bất kỳ nghi lễ nào họ đều gắn với nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Đây là nét đẹp văn hóa cần bảo tồn và phát huy. Dân gian Khmer có câu răn dạy con cháu: “Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn/Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu”. Họ cho rằng, nếu từ bỏ tổ tiên tức là quên nguồn gốc; từ bỏ nguồn gốc là một tội lỗi rất lớn. Đó là tư tưởng, cách nhìn sáng suốt về vấn đề giáo dục đạo đức truyền thống của đồng bào Khmer nói riêng và của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung.

III NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI THÁI

Theo số liệu từ Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 thì dân tộc Thái ở nước ta có 1.550.423 người, và là dân tộc có dân số đông vào hàng thứ 3 trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, sau dân tộc Kinh và dân tộc Tày; sinh sống chủ yếu ở vùng Tây Bắc Việt Nam (Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái) và ở Thanh Hóa, Nghệ An; chia thành hai nhóm là Thái Đen và Thái Trắng.

Người Thái quan niệm đất này vốn phân chia thành hai *mường*, tương đương với quan niệm về hai *thế giới*. Đó là “thế giới của sự sống”, tiếng Thái gọi là *mường côn* (mường người) và thế giới hư vô, tiếng Thái gọi là *mường phi* (mường ma). Thế giới hư vô của người Thái có ba không gian tồn tại. Một là, không gian của mỗi con người có *phi khoản* tương đương với “linh hồn”, hay “vía”. Hai là, không gian của “cõi linh” hiểu theo nghĩa cụ thể của “mường phi” được chia thành hai phần. Phần “ác” gồm các ma thiêng, quỷ dữ có thể do người chết biến thành hoặc cũng có thể có sẵn trong tự nhiên; phần “lành” có tổ

tiên (*phi đằm* hay *phi hươn*). Ba là, không gian của cõi trời có *phi then* hay *then*.

Cũng như các dân tộc khác, người Thái cho rằng có sự sống là do có linh hồn tồn tại trong thể xác. Niềm tin vào có linh hồn đã dẫn đến sự ra đời của các nghi thức, nghi lễ. Điểm nổi bật trong tín ngưỡng, tôn giáo của mình, người Thái theo tục cúng tổ tiên, không theo bất cứ tôn giáo ngoại tộc nào. Họ cho rằng, khi chết, linh hồn đầu (hồn chủ) hóa kiếp về cõi *đằm* để trở thành tổ tiên, tồn tại mãi mãi ở “cõi vĩnh hằng”.

Người Thái là tộc người có thói quen từ ngàn đời làm nhà sàn để ở, do vậy cách thức tổ chức không gian thờ cúng tổ tiên trong nhà của họ cũng hết sức khoa học. Trong ngôi nhà sàn truyền thống của người Thái, nơi thờ cúng tổ tiên đặt ở gian *hoóng* (buồng) bên phía *quán* (bên trên). Có nghĩa là, phân đôi bố ngang theo chiều cây quá giang, một bên là cầu thang dẫn lên lan can đi tới cửa chính bên hồi để vào nội thất, đầu tiên sẽ thấy ở “phía trên” có gian thờ tổ tiên như được giấu kín trong buồng có vách ngăn. Kích thước gian này thường không có quy định về chiều ngang nhưng nhất thiết phải đặt vừa mâm cúng và thường thưng ván lửng, có chiều cao từ 1 đến 1,2m. Theo phong tục, vợ chồng chủ nhà cũng ngủ ở gian kề chỗ sát thờ tổ tiên, tục gọi là *ngủ cài hoóng* (*non khắt hoóng*). Việc dành riêng một vị trí quan trọng trong ngôi nhà làm không gian thờ cúng tổ tiên cho thấy ý thức coi trọng tập tục đồng thời thể hiện quan niệm nhân sinh của họ

rằng tổ tiên đã mất vẫn tồn tại ở một thế giới khác và vui vầy cùng con cháu.

Không giống như các dân tộc khác, quan niệm và cách giải thích về linh hồn của người Thái mang màu sắc riêng. Họ cho rằng, thể xác là con người, linh hồn là cái bóng. Do quan niệm như vậy nên tiếng Thái có thuật ngữ “hồn bóng” (*khoăn ngau*). Một con người có tới 80 hồn, 30 hồn ở phía trước và 50 hồn ở phía sau (*xam xíp khoăn mang nả, hả xíp khoăn mang lăng*). Đó là các hồn của từng bộ phận cơ thể như mắt, tai, mũi, tóc, tim, phổi, chân tay... Sau khi chết, 80 hồn vẫn quanh quẩn bên thân xác đang nằm trong nhà. Tám mươi hồn đó được chia thành ba loại: *Văn tồn* (hồn gốc) ngụ trên đỉnh đầu, *văn pai* và *văn ngau phâu hẹo*. *Văn pai* sẽ được thầy mo dẫn lên *đằm chào* ở *Mường Then*. Sau lễ khốc tiễn, người ta đưa thi hài người chết ra đồng, đồng thời đưa hai loại hồn này ra để nhận mộ và biết đường đi lối lại trở về với con cháu. Riêng *văn tồn* được rước về ngụ trên ban thờ, trở thành ma nhà, hay thần giữ nhà, gọi là *phi hươn*, tức tổ tiên. Còn *văn ngau phâu hẹo* thì ở nghĩa địa để canh mồ mả cho dòng họ. Sau ba ngày thì làm lễ mở cửa mả đón *văn tồn* về rồi lại làm lễ cho ngụ tại ban thờ. Nếu ngày giờ chưa đẹp thì dùng mía để cúng đón *văn tồn* và *văn tồn* sẽ tạm ngụ ở chiếc áo treo trên cột trong gian *hoóng*, chờ đến ngày tốt sẽ nhập ban thờ thành *phi hươn*.

Người Thái thờ cúng *phi hươn* chính là thờ cúng tổ tiên. Gian thờ này tiếng Thái gọi là *hoóng*. Khi dựng

nhà, bao giờ người Thái cũng dựng một cây cột, gọi là *xau hoóng* trước tiên. Khi cất xong nhà thì gian *hoóng* đặt một chạn đựng các đồ vật cúng bái tiên tổ và thực hành cúng bái tại gian này, cho nên cây cột chính dựng trước tiên tại đây gọi là *xau phi hươn*. Ma tổ tiên ngự tại gian này nên người Thái kiêng không đem thịt sống, không đem cành lá xanh qua, với quan niệm nếu đem thịt sống qua, sẽ đánh thức ma và ma sẽ vùi vĩnh, gây cho người trong nhà đau ốm; cành lá xanh tượng trưng cho rừng hoang, nên nếu đem cành lá xanh qua thì ma tưởng là có quỷ dữ tới, liền thức dậy hỏi chủ nhà và dò xét, cũng sẽ gây đau ốm cho người trong gia đình. Họ cho rằng, đêm đến, ma nhà có thể đi rong chơi. Khi về có thể ma rừng cùng về lẫn lộn để làm hại người, nên dân gian Thái có câu “*phi hươn chuẩn phi pǎ*” (ma nhà rủ ma rừng).

Một trong những tết quan trọng trong năm của người Thái là tết cơm mới (*khau mǎ*). Thời gian ăn tết vào khoảng tháng Mười âm lịch, tức chừng tháng Sáu lịch Thái. Đây là thời điểm nông nhàn vì mùa màng đã thu hoạch xong. Thời gian ăn tết cụ thể tùy thuộc từng gia đình. Trước khi ăn tết, đồng bào đã chuẩn bị sẵn nhiều lương thực, thực phẩm. Để tỏ lòng biết ơn ông bà, cha mẹ, tổ tiên đã phù hộ, độ trì cho mình một năm làm ăn phát đạt, lúa ngô tốt tươi, vật nuôi chóng lớn, khi bông lúa nếp đang còn đọng sữa, đồng bào gặt một ít mang về luộc, phơi cho khô rồi cất lên sàn gác, nơi người không đụng chạm đến. Đến ngày tết cơm mới

đem ra rang, giã làm cốm hoặc đồ xôi để dâng cúng tổ tiên. Một món quan trọng nữa để cúng là cá, tiếng Thái gọi là *pá*, được chế biến nhiều kiểu, gồm nướng, luộc, rán... Ngoài ra đồng bào còn làm các loại bánh bằng gạo nếp như bánh chưng, bánh gù, bánh sừng dê... Khi mâm cỗ cúng sắp xong được bung lên để ở gian cúng tổ tiên. Chủ nhà có thể tự cúng hoặc mời thầy mo đến cúng hộ. Nội dung lời khấn đại ý mời tổ tiên về hưởng hương hoa, chứng giám cho thành quả lao động sản xuất và cầu mong tổ tiên tiếp tục phù hộ để năm sau thu hoạch gấp năm, gấp mười năm nay, và năm sau nếu con cháu ăn nên làm ra thì năm tới sẽ tiếp tục làm cỗ to hơn để dâng tổ tiên...

Tết Nguyên đán cũng là tết cổ truyền của người Thái. Vào ngày cuối năm âm lịch, các gia đình tổ chức cúng đuổi tà với ý nghĩa “năm hết tết đến, ma nhà nào về với con với cháu nhà đó. Ai không có con cháu thì ăn vài miếng rồi đi, chớ về quấy phá...”. Sau đó cúng khấn mời ông bà, cha mẹ về ăn tết với con cháu. Đại ý lời khấn: “Năm hết tết đến, ông bà tổ tiên chớ đi lang thang, kéo người ta rửa. Nhà của ông bà, cha mẹ, tổ tiên ở đây. Con cháu của tổ tiên, của ông bà, cha mẹ ở đây. Đi lang thang bị người đuổi đánh, nhục cho con cháu lắm. Mời tổ tiên về để phù hộ, độ trì cho con cháu sang năm được mạnh khỏe, ăn nên làm ra...”. Vào ngày đầu tiên của năm mới, mọi người thức dậy sớm chuẩn bị lễ vật cúng tổ tiên, gồm rượu, gà, cá, cốm, xôi... chay tịnh, thanh khiết. Chủ nhà có thể tự cúng hoặc mời

thầy mo đến cúng giúp. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế có thể chỉ khấn cầu ma nhà, tức tiên tổ - *phi hươn*. Gia đình có điều kiện kinh tế có thể cúng tất cả các loại ma (thần) là ma nhà - *phi hươn*, ma bản - *phi ban*, ma suối - *phi huối*, ma rừng - *phi pa*, ma trời - *then* kéo dài cả buổi. Sau khi cúng xong, cỗ bàn được dọn ra, mọi người trong gia đình, bà con lối xóm cùng chúc nhau sức khỏe, con đàn cháu đông, thu hái bẽ bẽ, vật nuôi đông đúc.

Với người Thái Đen, lễ cúng tổ tiên được gọi là “cúng nhà” (*xên hươn*) được xem như ngày tết. Đây là dịp vui của một nóc nhà nhưng thu hút sự tham gia của tất cả bà con trong bản và có khi là cả một vùng gồm vài ba bản trở lên. Vật hiến tế là lợn to. Cúng xong đặt bàn cỗ mừng. Người khấn lễ là *Mo*. Ngày cúng là một ngày vui, đồng bào uống rượu, hát đối đáp, đánh trống chiêng, múa xòe suốt ngày đêm. Ngày nay, hai sự kiện “cúng nhà” và Tết Nguyên đán thường được đồng bào kết hợp làm một.

Một lòng thành kính, nhớ về tổ tiên là hình thức tín ngưỡng sơ khai, bắt rễ vào phong tục tập quán nhiều dân tộc và ăn sâu vào tiềm thức mỗi người. Tín ngưỡng đó bắt nguồn từ việc tưởng nhớ những người đã có công sinh thành, dưỡng dục mình theo đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”. Việc kế thừa, gìn giữ, phát huy tín ngưỡng tốt đẹp đó của thế hệ mai sau là minh chứng hùng hồn về tình cảm, tình yêu thương và lòng thành kính của con cháu

đối với tổ tiên trong việc trân trọng các giá trị truyền thống từ ngàn đời.

IV

NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ ĐEN

Người Hà Nhì ở Việt Nam có các ngành - nhóm địa phương gồm Hà Nhì Cổ Chồ, Hà Nhì La Mí, Hà Nhì Hoa, Hà Nhì Đen. Đồng bào cư trú chủ yếu ở huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu và một số ở tỉnh Điện Biên; ở tỉnh Lào Cai, nhóm Hà Nhì Đen cư trú tập trung ở huyện Bát Xát, nhưng chụm tại các xã Y Tý, Nậm Pung, A Lù, A Mú Sung, Trịnh Tường, trong đó hai xã Y Tý và Nậm Pung có dân số khá đông. Có người cho rằng tộc người Hà Nhì xa xưa gốc quán từ cao nguyên Thanh Tạng và được tách ra từ thổ tộc Êđê Khương rồi lan tỏa đi nhiều phương, nhiều xứ. Người Hà Nhì Hoa do còn lưu giữ được sắc màu trang phục nên bộ nữ trang luôn sắc sảo, nhất là những ngày lễ, hội. Các nhà dân tộc học xếp dân tộc Hà Nhì thuộc nhóm tộc có ngôn ngữ Tạng - Miến, gồm các dân tộc Hà Nhì, Phù Lá, Si La, Lô Lô, Cống và La Hủ. Các học giả Trung Quốc gọi nhóm Hà Nhì Đen ở Lào Cai là Hà Nhì Lô Mê để phân biệt với nhóm Hà Nhì Cổ Chồ và Hà Nhì La Mí. Cũng như nhiều dân tộc thiểu số khác, người Hà Nhì tuy dân số ít nhưng họ ở

tập trung thành từng chòm xóm riêng biệt, không lẫn lộn với người tộc khác. Vì thế, về văn hóa có sự giao thoa, tiếp biến nhưng cũng có sự giữ gìn, bảo lưu. Trong các phong tục, lễ nghi truyền thống vòng cây trồng và vòng đời người của đồng bào như lễ cúng mừng năm mới, lễ cúng rừng (*gạ ma gio*), lễ cúng làng (*gạ tu tu*), lễ cúng nguồn nước (*lú khù xư*), tết thiếu nhi (*nga tha si*), lễ cúng sang mùa đông, lễ ăn cơm mới, lễ xuống đồng và nhiều lễ nghi khác như cưới gả, sinh con, tang ma... đều có sự hiện diện của tổ tiên.

Việc thờ cúng tổ tiên ở từng gia đình là truyền thống của người Hà Nhì. “Mọi người đều chết nhưng chẳng ai chết cả” - đó là một câu tục ngữ của người Tây Tạng. Cũng như các tộc người thiểu số, vạn vật hữu linh là quan niệm và là cảm thức chính của người Hà Nhì Đen trong tín ngưỡng. Con người có thể chết về thể xác, nhưng phần hồn thì vẫn sống ở một dạng khác, cách rất xa cõi của người trần. Cõi ấy, phương ấy là nơi ngự của tổ tiên và tổ tiên vẫn lao động sản xuất bình thường, ăn uống bình thường. Vì thế khi trong nhà có người chết thì người sống phải cho người đó một số vật dùng cần thiết để làm lộ phí đi đường và làm vốn sinh nhai ban đầu. Nói là cách rất xa nhưng không có nghĩa là xa về mặt địa lý, khoảng cách, mà là xa về dạng sống. Tuy chết nhưng hồn thiêng của người chết lúc có thể đi xa, lúc có thể về gần để bảo vệ con cháu, người ruột thịt.

Vậy nên nếu người sống không cúng tế đầy đủ thì người chết sẽ cảnh báo bằng cách gây cho ốm đau không rõ nguyên nhân, có thể làm cho súc vật đang đem giết mình bỗng quác lên loạn xạ không phải do cày cáo, hùm sói đến dọa nạt. Gặp trường hợp này, gia chủ bị họa sẽ đến nhờ thầy bói xem giúp. Thầy bói sẽ đặt quả trứng lên đầu chiếc đĩa rồi xoay. Nếu quả trứng đứng vững thì nghĩa là phần âm tốt, cần phải tìm nguyên nhân khác. Nếu quả trứng rơi xuống đất, có nghĩa là người âm đòi được cúng tế. Khi đó gia chủ phải trừ liệu một số lễ vật theo quy định. Người con trai cả hoặc cháu trai của gia chủ đã có vợ con sẽ là người thực hành. Anh ta quỳ gối, đầu cúi, hai lòng bàn tay ngửa, vái hất lên, sau đó đặt sấp đôi tay, cúi xuống, để trán chạm vào mu bàn tay. Người thực hành làm như thế ba lần. Tiếp đó tất cả những người trong gia đình mỗi người làm một lần. Nhà có trẻ nhỏ chưa biết vái thì người lớn làm thay. Khi thực hành lễ cúng bái này, gia chủ sẽ “cấm bang” không cho bất cứ người nào trong gia đình đi ra ngoài, và cũng không cho bất cứ người ngoài gia đình vào nhà. Cấm bang bằng ám hiệu cắm một cành nhỏ cây xanh trước ngõ hoặc trước cửa. Nếu lễ cúng mà có mặt người ngoài thì sẽ mất thiêng vì tổ tiên coi như thế tức là mời khách chứ không phải mời mình. Tổ tiên không được tôn trọng thì gia đình sẽ bị sát phạt ở mức thấp, trừng trị ở mức cao.

Nơi ngự của tổ tiên là đâu? Người Hà Nhì Đen

quan niệm thế giới có bốn tầng: Tầng trời, tầng tinh không, tầng đất và tầng âm phủ. Tầng trời là nơi ngự của các vị thánh thần như mặt trời, mặt trăng, những vì sao, gió, mây... khi thì hiền lành, khi thì hiểm ác. Nơi ngự chính của tổ tiên là tầng tinh không nhưng các vị tiền bối, tổ tiên vẫn có thể đi du ngoạn tới tất cả các tầng. Khi về với con cháu, tổ tiên luôn cưỡi ngựa có kẻ dắt. Thế nên hễ tiến hành cúng tế xong người ta lại để một chút thức ăn trên lá chuối đặt kề ngay cửa chính để kẻ dắt ngựa của tổ tiên cũng được ăn uống rồi lại dắt ngựa cho tổ tiên trở về chốn cố hương.

Trong các lễ cúng của người Hà Nhì Đen thì lễ cúng Cấm rừng (*gạ ma gio*), lễ cúng Thần làng (*gạ tu tu*), lễ Tết tháng Sáu (*khu zà zà*) là những lễ có quy mô lớn, thời gian kéo dài. Những lễ này con cháu khẩn mời tiên tổ tiền bối về nhận đồ lễ. Tổ tiên tiền bối về với con cháu thì ở lại, kẻ dắt ngựa cho tổ tiên được ăn một bữa rồi trở lại chốn cố hương, đến khi lễ cúng tế hoàn tất thì trở lại đón ngựa và bảo vệ cho tiên tổ tiền bối.

Tầng thứ ba là tầng mặt đất, nơi ngự của vô số thần linh, hồn thiêng của muôn vật như cây cối, suối nước, tảng đá, rừng cây, núi non, trăn ruông...; thần Rừng, thần Núi, thần Lúa gạo, thần Nước, Thổ Công, Thổ Địa cùng vô số ma quỷ, yêu quái. Trong số các thần linh, ma quái này có loại hiền lành chuyên giúp con người thì thành thần linh; loại ác nghiệt chuyên

phá phách cuộc sống yên hàn của con người thì thành ma quái. Vậy nên muốn có cuộc sống yên ấm thì phải cúng thần để thần phù hộ, đồng thời giúp xua đuổi tà ma ra khỏi người, ra khỏi nhà và ra khỏi làng; cúng ma để bớt quấy nhiễu.

Tầng thứ tư là tầng âm phủ. Người Hà Nhì Đen quan niệm sau khi người chết về thể xác, hồn sẽ bị lưu đầy vào tầng âm phủ. Sau khi chôn ba năm, con cháu phải làm lễ gọi hồn tại nơi mộ, khi đó hồn người chết mới được về ngự nơi ban thờ, ngự cùng tiên tổ tiền bối. Nếu người chết ở bên ngoài ngôi nhà thì hồn sẽ bơ vơ lang thang, thành “Ma rừng, quỷ bể, nó nể gì ai”. Loại này phải được cúng bái đầy đủ, nếu không, chúng dễ trở thành ma ác trở về gây hại cho người sống, đồng thời gia đình có người chết chưa đủ ba năm, chưa làm lễ táo mộ được coi là “người chưa sạch” nên không được tham gia các công việc cúng tế của làng, nếu cố tình đến đám cúng tế sẽ bị làng phạt vạ, phải nộp một số lễ vật theo quy định để làng cúng tạ tội với thần linh nhằm hóa giải đi những điều xúi quẩy.

Sau ba năm chôn cất, con cháu trong gia đình phải chuẩn bị một số lễ vật bắt buộc để táo mộ, gồm một con lợn đen, một đôi gà một trống một mái, một kẹp xôi, vài tấm bánh dày, hương, tiền giấy, hai cành tre, hai dây tiền vàng và các hình chim, cá... được gấp bằng giấy hay cắt bằng vải treo vào hai cành tre để cắm lên mộ. Xin lưu ý là hầu hết các tộc người

thiếu số không sử dụng vật hiến tế như gà, lợn, trâu, bò... có màu lông trắng. Ngoài những lễ vật do gia đình chuẩn bị, những người đến dự lễ là con cháu, người họ hàng thân thích, tùy tâm có thể mang theo lễ vật cúng tế hoặc quà cho gia chủ. Sau lễ cúng, hồn người chết coi như đã được giải thoát khỏi địa tầng âm phủ để về ngự cùng tổ tiên chốn cổ hương và về ngự nơi ban thờ khi gia chủ khẩn mời. Cẩn thận hơn, sau lễ cúng, gia chủ còn nhờ thầy cúng, thầy bói coi giúp xương cánh gà xem hồn người chết đã nhận được đồ lễ hay chưa, tổ tiên có được về nhà hay không. Việc tảo mộ rất quan trọng, không chỉ là việc làm có tính đoạn tang rước hồn người chết về với tổ tiên, về với con cháu, mà còn đánh dấu từ đây gia đình hết cấm kỵ, kiêng khem để tiếp tục được tham dự các lễ nghi, các hoạt động tín ngưỡng chung của cộng đồng.

Về cách bài trí, người Hà Nhì Đen bố trí bàn thờ cạnh cây cột chủ. Phía trước bàn thờ là nơi ngủ của người cao niên nam giới. Tiếp giáp ngay đó là bếp lửa vì người già rất cần gần lửa để sưởi ấm. Vây quanh bếp là một số hòn đá, trong đó có một hòn đá thiêng, gọi là *phu chu ma*. Góc đặt bàn thờ thường hơi tối, khó quan sát và đó là nơi phụ nữ kiêng không bước vào. Bàn thờ là một cái bàn tử, hay chạn nhỏ, trên nóc tử đặt một hoặc hai cái thớt chuyên dùng làm đồ lễ thờ cúng, trong tử là nơi cất giữ một số đồ thờ cúng. Ngoài ra người ta còn treo một cái

giỏ đan bằng mây, trúc để đựng bốn cái bát, một đôi đũa chuyên dùng cho việc cúng tế, sau khi dùng xong, rửa sạch sẽ cất vào chỗ cũ. Bàn thờ của người Hà Nhì Đen thường không đặt lư hương, nếu có thì là một ống vầu hay ống mai đặt ngay cạnh bếp lửa bằng cách chôn một đoạn xuống đất. Phía dưới bàn thờ đặt một cái thau nhỏ, thường ngày thì úp xuống, đến ngày lễ thì dùng thau đó đựng nước sạch, trong vắt đặt lên bàn thờ với ý nghĩa mời hồn thiêng của tổ tiên rửa tay, mặt mũi trước khi xoi cỗ. Khi hành lễ, mỗi dòng họ có cách bài trí khác nhau: họ Lý bốn bát, một đôi đũa; họ Phu bốn bát, một đôi đũa; họ Vù (hay Vừ) mười hai cái bát và hai đôi đũa; họ Cao cũng mười hai bát và hai đôi đũa. Người Hà Nhì Đen thường chỉ thờ và khấn cầu ba đời gần nhất đã qua đời. Người chết gần nhất sau ba năm làm lễ tảo mộ thì sẽ loại trừ người thuộc đời thứ tư đã hơi xa. Tuy nhiên khi cúng khấn, gia chủ vẫn mời tất cả tổ tiên tiền bối về cùng thụ hưởng hương hoa và những sản vật do gia đình làm ra. Việc chế biến, nấu nướng các món ăn để dâng cúng đương nhiên thuộc về việc của bà chủ có sự giúp sức của người chồng. Nếu bà chủ đã mất sớm thì con gái lớn hoặc con dâu lớn phải lo toan dưới sự chỉ dẫn của người cha. Khi tiến hành lễ cúng, gia chủ mặc bộ đồ truyền thống, đầu vấn khăn *u tu*, đi chân đất, đứng thẳng, ngửa hai tay ngang ngực, cách ngực một khoảng vừa phải, miệng vừa khấn cầu vừa quỳ gối xuống đất rồi đặt hai bàn tay

xuống đất, đầu cúi xuống đặt lên mu bàn tay ba lần. Khi đó các con cháu cũng đến đứng vây quanh, bỏ hết giày dép, đầu đội khăn hoặc mũ đến quỳ lạy một lần. Đại ý bài khấn: “Xin dâng lên tổ tiên, cầu mong tổ tiên tiền bối về phù hộ cho toàn gia đình mạnh khỏe, làm ăn may mắn, mùa vụ thu được nhiều lúa ngô, con gà con trâu con lợn không bị ốm đau bệnh dịch...”. Cúng xong, gia chủ lấy bát nước gừng trên bàn thờ xuống rồi gấp thức ăn mỗi thứ một ít bỏ lên trên hòn đá *phụ chu ma*, rót chút rượu, chút nước chè gừng lên đó với ý nghĩa chia sẻ lễ vật cho thần Bếp. Tiếp đó, bà chủ nhà cũng lấy mỗi thứ một ít đặt lên mảnh lá chuối đem để cạnh cửa ra vào tượng trưng cho mời kẻ hầu dắt ngựa của tổ tiên ăn, vì kẻ hầu chuyên việc hầu hạ nên không được vào nhà cùng tiên tổ hưởng cỗ. Lúc này ông chủ lấy một chút thức ăn cho mình và chia cho các con cháu mỗi người một miếng ăn lấy lệ nhằm cầu lộc cầu phúc cho mọi người gặp may mắn. Khi ông chủ hoàn tất việc cúng khấn thì bà chủ cùng con cháu cũng bày biện xong mâm cơm cho mọi người trong gia đình, bà con họ mạc và khách khứa, mọi người cùng nhau ăn uống vui vẻ, đầm ấm. Đây là phong tục đẹp thể hiện đậm nét tôn trọng chữ “hiếu” và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của đồng bào. Phong tục này cần được trân trọng, giữ gìn.

V NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI KHÁNG

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, dân tộc Kháng có 13.840 người, cư trú chủ yếu ở một số xã của các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lai Châu và thường xen kẽ với người Thái nên sắc thái văn hóa có biểu hiện bị Thái hóa từ trang phục đến tiếng nói.

Quan niệm về tổ tiên của người Kháng liên quan đến quan niệm về hồn người. Họ cho rằng, trong một con người có tới năm hồn (*man*). Hồn chính ngự ở trên đầu, còn các hồn khác ngự ở tứ chi. Khi người chết, năm hồn thành ma (*ma ngặt*). Hồn chính ngự ở trong nhà, là ma nhà (*ma ngặt nhà*) phù hộ cho con cháu nên đó cũng là đối tượng phải thờ phụng. Còn tổ tiên trong gia đình là những người ruột thịt cùng dòng họ (trực hệ) nhưng là đàn ông đã chết. Những người anh em tuy cũng là đàn ông nhưng đã tách họ thì không thuộc tổ tiên. Như vậy, thực tế tổ tiên trực diện của người Kháng gồm có thế hệ cha, ông, cụ, kỵ, bằng bốn đời. Họ cho rằng, cùng một tổ tiên tức là

cùng một gia đình nên các công việc đại sự đều phải có sự tham gia của các thành viên. Lễ vật trong các lễ cúng đều phải có bốn suất để bốn thế hệ tổ tiên được thụ hưởng như nhau. Chỗ đặt bàn thờ tổ tiên trong nhà gọi của người Kháng gọi là *hoóng*, hay còn được gọi là *cò lò hoóng*. Cũng có trường hợp cha mẹ vợ của chủ nhà được thờ phụng không bị coi là phạm quy mà còn được khuyến khích, động viên về lòng hiếu thảo. Khác với một số dân tộc khác như Mông, Kinh, người Kháng không lập bàn thờ tại gian giữa nhà, đối diện với cửa chính. Họ có một không gian riêng dành làm *hoóng*, nằm ở giữa gian ngủ của khách và gian ngủ của chủ nhà, gọi là *nan hoóng*, được tách bởi vài tấm phên đan thưa hoặc đan kín làm vách. Bên trong *hoóng* chỉ có đôi chén chuyên dùng cho việc thờ cúng. Khi trong nhà có bố hoặc mẹ chết, người con trai cả lấy hòn đá kê nồi bên bếp ném vào *hoóng* với ý nghĩa quở trách ma ông bà không phù hộ, để cho bố (hoặc mẹ) bị chết. Bây giờ bố (hoặc mẹ) đã chết thì ma ông bà phải ra nương mà ở. Hòn đá sẽ ném trúng vào tấm liếp làm cho tấm liếp bị xiêu vẹo. Đó là cái có để dỡ bỏ *hoóng* thờ ông bà, rồi gia chủ ngăn lại tấm liếp mới, tức là làm lại *hoóng* mới để thờ bố mẹ. Người Kháng quy ước tất cả các con trai đều được quyền lập *hoóng* để thờ cha mẹ nhưng phải đến khi có gia đình riêng và lần lượt theo thứ tự từ anh cả cho đến em út. Nếu cha mẹ chết khi các con chưa lập gia đình riêng, tức chưa có

vợ hoặc có chồng thì chỉ thờ mẹ chứ không được thờ cha. Con gái đã đi lấy chồng, nếu gặp cơ sự lạ, hoặc ốm đau không rõ nguyên nhân thì nhờ thầy cúng, thầy bói xem, có thể có trường hợp cha mẹ đòi được ở gần đưa con gái đó thì đôi vợ chồng sẽ lập bàn thờ để thờ cha mẹ vợ. Trường hợp nếu mẹ chết trước bố thì hồn mẹ không được ở chung trong *hoóng* vì ở đó còn có ông bà (*ma ngặt pủ gia*), nên các con phải dựng một nếp nhà sàn nhỏ bên cạnh nhà sàn lớn, gọi là *nha đế* trong khuôn viên ngôi nhà chính để thờ. *Nha đế* cũng là nếp nhà sàn nhưng chỉ cao chừng một mét rưỡi, lợp tranh, ba xung quanh thung vách liếp, một mặt bỏ trống để thực hành nghi lễ, không có cầu thang. Khi nào bố chết thì *nha đế* sẽ được dỡ bỏ vì bố và mẹ đã được thờ chung tại *hoóng* trong nhà. Những gia đình thờ bố mẹ vợ, tuy không phổ biến, cũng làm một cái *nha đế* trong khuôn viên ngôi nhà chính, cho nên khách tới thăm nhà người Kháng có thể thấy có những gia đình có tới hai *nha đế*. Người Kháng ở huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên còn dựng thêm nếp nhà nhỏ về phía trái ngôi nhà chính, cũng giống như *nha đế* nhưng đây là *nha lá* để thờ cha khi mẹ vẫn còn sống. Chỉ khi nào cha mẹ chết cả thì con cái mới rước hồn cha mẹ vào thờ trong *hoóng*. *Nha lá* còn là nơi thờ cha mẹ để đã chết khi người con trai đi ở rể bên nhà vợ, vì theo phong tục không được đưa hồn cha mẹ về của mình vào thờ chung với cha mẹ vợ. Trong trường hợp đôi vợ

chồng không có con trai thì con rể cả có thể thờ cha mẹ vợ, coi cha mẹ vợ là tổ tiên khi anh ta vẫn ở bên nhà vợ. Nếu đôi vợ chồng ở riêng, không phải ở rể nữa thì gia đình sẽ thờ cha mẹ vợ tại *nha lái*. *Nha lái* còn thờ các anh em trong gia đình chết khi chưa có vợ hoặc chồng, hoặc đã có vợ con nhưng chưa ở riêng. Khi nào con cái của họ lớn lên, đã có thể tự lập, làm được nhà riêng thì họ sẽ rước hồn cha mẹ đi.

Cũng như một số tộc người thiểu số khác, người Kháng không có tục cúng giỗ tổ tiên vào ngày mất, cũng không thực hành cúng ngày Một, ngày Rằm mà chỉ cúng vào những dịp Tết Nguyên đán, lễ cơm mới, gia đình có người ốm đau không rõ nguyên nhân, gia đình mới sinh con và đám cưới.

Xưa kia người Kháng không có tục ăn Tết Nguyên đán. Trong quá trình giao lưu, giao thoa văn hóa với các dân tộc láng giềng, tục lệ này mới hình thành, và duy nhất Tết Nguyên đán người Kháng có thấp hương. Lễ vật để cúng tổ tiên cũng là cơm, thịt gà, thịt lợn, canh thịt, canh rau... nhưng nhất thiết phải có bạc trắng, nay đã thay thế bằng tiền giấy.

Lễ cúng cơm mới là nghi lễ truyền thống của hầu hết các dân tộc Việt Nam nói chung, cũng là nghi lễ truyền thống của người Kháng nói riêng, chỉ có điều các gia đình bố trí làm sao để bà con lối xóm lần lượt đến được với nhau càng đông vui càng tốt. Đồng bào

cho rằng nhà càng có nhiều khách khứa đến ăn uống chia vui chứng tỏ nhà đó có phúc lớn. Lễ vật dâng hiến cho tổ tiên khi hành lễ bao gồm một con lợn, một con gà, một chum rượu cần, một chai rượu chưng cất, một nắm cơm, một quả trứng, vài con cá nướng và một sải vải trắng. Tất cả được bày ở giữa nhà, gần chỗ đặt *hoóng*. Lòi khấn mộc mạc đại ý như sau: “Ơ ma nhà... Các con các cháu ở đây ăn cơm xong không được ở yên. Cầm dao đeo bên hông đi phát nương phát rẫy thu dọn xong. Giờ phút này lúa đã trở bông, đã thành hạt lúa, đã thành hạt gạo rồi. Giờ các con các cháu mới thu hoạch một chút về làm cơm mới. Xin mời bố mẹ. Con cháu có một đôi hương, đôi cá nướng, một con gà, nắm cơm mới cúng tổ tiên, dâng bố mẹ. Làm sao để các con các cháu làm ăn phát tài, làm ăn đỡ vất vả mà thu hoạch được nhiều sản phẩm. Tổ tiên, bố mẹ thụ hưởng xong thì phù hộ cho con cháu...”.

Những gia đình có *nha đế* hay *nha lái* thì cũng sửa soạn lễ vật như cúng ma nhà nhưng mâm lễ được đặt tại *nha đế*, *nha lái* để gia chủ khấn tại đó. Cúng khấn xong, mọi người cùng nhau ăn uống trong không khí đầm ấm, vui vẻ.

Khi gia đình có người ốm lâu ngày không rõ nguyên nhân, người Kháng cho rằng có thể là do tổ tiên ăn không no, uống không đủ nên trở về quấy nhiễu con cháu bằng cách bắt đi bốn hồn ở tay chân, cho nên phải gọi hồn trở về với thân chủ. Trường

hợp này gia chủ có thể tự cúng nhưng cũng có thể mời thầy đến cúng giúp. Lễ vật gồm hai phần. Một phần gồm có hai con gà (*zia*), bốn nắm xôi, bốn chén rượu (*hạ siêu*) để cúng tổ tiên. Một phần có một con gà, bốn nắm xôi dành cho hồn người ốm ăn cho khỏe để trở về nhập vào thể xác. Vị trí cúng gọi hồn đặt tại bức vách kề với bếp lửa. Tại đó người ta căng một mảnh vải trắng, biểu thị cho sự tinh khiết, trong sạch. Dưới đất đặt một cái mẹt lót vải trắng để các lễ vật và dụng cụ hành nghề của thầy cúng. Cạnh đó trái một tấm chiếu hoặc chăn để thầy ngồi hành lễ. Sau khi mời ma tổ tiên về thụ hưởng lễ vật, thầy cúng hát bài đưa hồn người ốm trở về với thân xác. Bài hát có ba trường đoạn: Đoạn tìm hồn lưu lạc; đoạn dắt hồn về; và đoạn hồn nhập vào với thân xác của người ốm. Tiếp đó là nghi thức đeo vòng vía. Vòng vía được bện bằng nhiều sợi chỉ có màu ngũ sắc. Thầy đọc thần chú, yểm bùa vào chiếc vòng. Khi đó chiếc vòng sẽ có quyền năng chống lại sự xâm nhập của tà ma vào cơ thể người ốm và chống không cho hồn vía bỏ đi. Phù phép xong, thầy đeo vòng vía vào cổ người ốm. Lúc này những người tham dự là người ruột thịt, người họ hàng, người thân thích hay khách khứa cùng chúc mừng hồn người ốm đã trở về bằng cách đeo thêm nhiều vòng vía vào cổ tay, cổ chân của người ốm, đồng thời đóng góp một chai rượu, một con gà hay một bát gạo cho chủ nhà. Họ cho rằng làm như thế tức là người đóng góp đã được

làm phúc, mà người được làm phúc sẽ có quyền hãnh diện với mọi người.

Gia đình có trẻ mới sinh, sau một tuần, khi làm lễ đặt tên, người Kháng cũng tiến hành lễ cúng tổ tiên, nhằm thông báo với tổ tiên, tức ma nhà rằng gia đình đã có thêm một nhân khẩu mới, đồng thời xin ma nhà cho đứa trẻ một cái tên đẹp và ban cho đứa trẻ sức khỏe cường tráng, am tường tộc phong nếu là con trai; nết na dịu dàng, giỏi giang việc nhà, sinh nhiều con cái nếu là con gái. Lễ vật gồm có một đôi gà một trống một mái, một đầu lợn chừng hai chục cân, hai quả trứng gà luộc, một bát cơm, hai chén rượu, một đĩa muối ớt cùng bát, đĩa, thìa được bày trong *hoóng*. Người khấn là ông chủ nhưng cũng có thể ông chủ nhờ người khác thông thạo hơn giúp. Lời khấn đại ý như sau: “Ơ ma nhà! Hôm nay gia đình có mâm cơm. Có lợn, có gà, có rượu... dâng cúng ma nhà. Ma nhà đang ngủ thì hãy dậy. Ma nhà đi chơi thì hãy về. Ma nhà bận việc thì hãy gác lại. Ma nhà hãy về đây. Về đây uống rượu, ăn thịt. Về đây nghe lời khấn của gia đình. Ơ ma nhà! Gia đình có con dâu (hoặc con gái nếu ở rể) sinh được con trai (hoặc con gái) xinh tươi, kháu khỉnh. Gia đình có thêm một thành viên mới. Nhau thai đã được treo ở cành cây to ven rừng. Gia đình đã làm phép dựa côi dựa nai, pin poi pin sặc (tiếng lóng vô nghĩa đọc kèm cho thêm phần linh thiêng). Nay gia đình làm cơm cúng ma nhà. Ma nhà hãy uống cho say, hãy ăn cho

đủ. Ở ma nhà! Nay gia đình muốn đặt tên cho đứa trẻ mới sinh. Một cái tên hay. Một cái tên đẹp để đứa trẻ lớn lên mạnh khỏe. Để đứa trẻ dễ nuôi. Để đứa trẻ không ốm không đau. Để đứa trẻ lớn nhanh như cây mai cây vầu... Ma nhà về chứng giám. Ma nhà mách cho một cái tên cho đúng cho hay để cho đứa trẻ mang theo suốt đời...". Lễ đặt tên cho trẻ luôn có sự tham dự của anh chị em họ hàng, bà con xóm làng. Mọi người đến mang theo nhiều quà tùy tâm như bát gạo, chai rượu, con gà, quả trứng... Sau khi gia chủ đã cúng khấn, những người đàn ông ngồi quây quần trên tấm chăn hoặc tấm chiếu. Trước sự chứng kiến của tổ tiên, lần lượt từng người, từ người cao niên nhất bên họ ngoại cho đến những người khác bên họ nội xướng lên một cái tên rồi tung một cái chén lên cao cho rơi xuống. Nếu tung hai lần liên tiếp mà cái chén đều rơi ngửa, tức là đứa trẻ đã được đặt đúng tên. Một ai đó đặt được đúng tên cho đứa trẻ thì dừng tại đó, coi như tổ tiên đã chứng nhận tên cho đứa trẻ. Tuy nhiên thời gian sau đó nếu đứa trẻ có biểu hiện hơi khác thường như hay ốm yếu, biếng ăn, còi cọc, giấc ngủ hay mê sảng... thì cha mẹ sẽ tìm nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân là tên đứa trẻ đã không còn phù hợp, tổ tiên muốn tìm một tên khác, thì cha mẹ lại tiến hành lễ đặt tên, cũng thực hành như nghi lễ trước đó.

VI NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI BỐ Y

Dân tộc Bố Y, cũng là tộc danh tự gọi đã có mặt trong khối Bách Việt từ ngàn xưa, còn được gọi là Tu Dí. Người Bố Y tuy số dân ít (theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 là 2.273 người), cư trú chủ yếu tại một số huyện vùng cao tỉnh Hà Giang và huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai nhưng đồng bào lại sở hữu một kho tàng văn hóa rất đồ sộ và cực kỳ phong phú với những lễ tục thờ cúng tổ tiên dày đặc quanh năm. Sau đây giới thiệu một trong những nghi lễ đặc sắc của đồng bào, đó là lễ cúng tạ ơn cha mẹ, ông bà, tiếng Bố Y gọi là *siển lý*.

Lễ cúng diễn ra vào ngày hôm sau, khi ông bà hay cha mẹ quá cố. Lễ vật của con cháu dâng lên ông bà hay cha mẹ gồm: xôi màu, rượu, gà, hương, hoa... bày thành một mâm đặt lên bàn thờ chính. Nếu gia đình đông con cháu thì có thể sắp nhiều mâm. Ngoài ra mỗi con, cháu hoặc đôi vợ chồng còn có thể dâng lễ vật riêng do tay mình làm ra. Chuẩn bị xong, thầy cúng và thầy cúng phụ mang chiêng, tù và ra ngoài cửa chính

thối ba hồi thông báo cho các vị thần linh biết là lễ tạ ơn chính thức bắt đầu. Phần nghi lễ này gọi là *chí pò*, là nghi lễ bắt buộc mở đầu cho lễ cúng. Lúc này các con cháu ngồi trước ban thờ, nam một bên, nữ một bên. Thầy cúng phụ thắp hương cắm lên các ban thờ, mỗi ban thờ ba nén. Sau đó thầy cúng khấn mời tổ tiên về. Lời khấn đại ý như sau: “Hôm nay con cháu đã đón được ông bà, cha mẹ về. Con cháu có mâm lễ gồm gà, rượu, hoa quả để tưởng nhớ công ơn ông bà, cha mẹ. Mong ông bà, cha mẹ nhận cho và phù hộ, độ trì cho con cháu mạnh khỏe, ăn nên làm ra...”. Thầy cúng sẽ đọc tên từng người, nêu các lễ vật do con cháu mang đến dâng tế.

Công đoạn tiếp theo lễ tạ ơn ông bà, cha mẹ là lễ cảm ơn tổ tiên, gọi là *sàng duề*. Lễ này con cháu không phải chuẩn bị lễ vật mà chỉ ngồi quỳ trước bàn thờ chính. Thầy cúng cắm hương lên bàn thờ chính, bàn thờ phụ, bàn thờ Thổ công, bàn thờ Bồ Tát. Tiếng chuông nổi lên. Thầy cúng đọc bài văn khấn gọi các vị thần, tổ tiên về ngự nơi bàn thờ. Tiếp đến, thầy cúng đọc sớ dâng vị thần cai quản âm phủ để vị thần này mở cửa cho linh hồn người chết đi qua. Thầy cúng tiếp tục dâng sớ lên vị thần kiểm tra, xem xét chữ viết trên sớ xem có sai sót gì không. Lại tiếp tục dâng sớ xin lần lượt các vị thần, trong đó có Quan thế âm Bồ Tát (*Quang zinh pù sa*), vị thần chuyên cai quản về tội lỗi, có thể xóa tội hoặc giảm nhẹ tội lỗi cho người chết khi sống đã mắc phải, rồi mang sớ đi hóa. Công đoạn tiếp

theo, thầy lại dâng sớ lên vị thần cai quản mười cửa ải, lần lượt từng cửa ải một. Cúng đến cửa ải nào thì trình báo cho vị thần cai quản cửa ải đó, gồm giấy tiền, một lá sớ và một nén hương. Đồng bào quan niệm, nếu người chết khi sống đạo đức tốt thì sẽ sớm được đầu thai. Đối với người Bồ Y ở Lào Cai, lễ cúng tạ ơn ông bà, cha mẹ gồm cả một chuỗi những công đoạn phải hành lễ khác nhau, không thể bỏ qua hay giản tiện công đoạn nào. Đồng bào cho rằng làm như vậy, cái đức ăn ở với tổ tiên mới trọn vẹn.

VII NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI LA HỦ

La Hủ là một trong những tộc người có số dân rất ít. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, người La Hủ ở Việt Nam có 9.651 người, đồng bào sinh sống chủ yếu ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Quan niệm về vũ trụ, thế giới của người La Hủ tương đối đơn giản. Người La Hủ tin có ma lành và ma ác. Ma lành là hồn ông bà, cha mẹ chết già và chết ở trong nhà. Tuy nhiên, ma lành cũng dễ biến thành ma ác khi đói ăn. Khi đó phải mời thầy cúng, thầy bói xem rồi chỉ cho cách chữa. Còn ma ác thì nhiều vô kể nên ở trong nhà, người lớn thường khuyên trẻ nhỏ tránh nói chuyện về ma quái. Đồng bào cho rằng khi có người chết tức là bị ma ác bắt. Người La Hủ cũng tin vào thầy cúng (*a ngo*), là người có năng lực tiếp xúc với thần, ma, nên nếu gặp phải tai họa gì, họ vẫn thường tìm đến *a ngo* để biết phải cúng ma nào, lễ vật gồm những gì.

Trong tín ngưỡng của người La Hủ, hồn hay ma tổ

tiên không quá đề nặng nên họ cũng không quá âu sầu, lo lắng trong việc cúng tế. Tuy nhiên họ không sợ ma rừng, ma núi bằng sợ ma người chết. Nếu có người ốm đau mà *a ngơ* cúng không khỏi, tức là người đó phải chết, do ma tổ tiên bắt đi. Và cũng vì thế nên sau khi chôn cất người chết xong, họ không còn phải quá nặng lòng với người quá cố nữa. Nơi thờ cúng của người La Hủ là một cái giỏ, trong đó bỏ quả men rượu cần, nhúm muối và củ gừng treo lên trên mái nhà làm nơi trú ngụ của tổ tiên. Còn khi cúng bái thì họ treo một cành lá xanh cùng với một tấm phen đan mắt cáo treo trên đầu giường của chủ nhà. Lễ tục thờ cúng tổ tiên của người La Hủ không rườm rà, phức tạp, không cần trải qua nhiều công đoạn, nhiều nghi thức.

Trong một năm, người La Hủ không có lễ hay hội gì ngoài việc cúng ma nếu có người ốm. Họ cũng tổ chức ăn Tết Nguyên đán nhưng không cúng tế mà chỉ nghỉ ngơi, ăn uống và vui chơi. Trong nghi lễ thờ cúng tổ tiên, người La Hủ không có ngày giỗ như người Kinh và một số dân tộc khác. Hằng năm, đồng bào cúng tổ tiên vào lễ dịp ăn cơm mới, gọi là *ố xớ cha* (được tổ chức tùy theo mỗi gia đình khi lúa chín) để tưởng nhớ đến ông bà, cha mẹ đã có công sinh thành, dưỡng dục. Lễ vật là hai bát gạo nếu cả cha và mẹ đều mất, còn nếu mới chỉ một người mất thì lấy một bát nấu chín, xới ra bát cùng thức ăn chín đặt trong một cái sàng để lên phía đầu giường của chủ nhà. Tiếp đó, chủ nhà khấn bằng lời mộc mạc như nói chuyện thường ngày. Xong

nghi lễ thì hạ mâm xuống rồi cả nhà cùng ăn uống vui vẻ. Trường hợp gia cảnh khá giả, họ có thể mổ lợn mời họ hàng, khách khứa đến cùng liên hoan. Trường hợp gia cảnh túng bấn thì chỉ cần bát cơm gạo mới với vài con cá. Trường hợp quá nghèo túng thì chỉ cần bát cơm gạo mới với nhúm muối. Người La Hủ cho rằng, ông bà, cha mẹ là những vị thần thiêng liêng che chở cho con người. Tục ngữ La Hủ có câu: “Không gì cao hơn bóng cha/Không gì ngọt hơn sữa mẹ” (*Mô tè ba pé thảo ma mô chiê gao/Sô su tê a mé chú gừ thảo ma ô chiê ga*) để răn dạy con cháu phải luôn nhớ về công lao sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ. Đây là nét đẹp văn hóa cần trân trọng, bảo tồn và phát huy.

VIII NÉT ĐẸP TRONG ỨNG XỬ VỚI TỔ TIÊN CỦA ĐỒNG BÀO Ê ĐÊ

Như mọi tộc người thiểu số miền núi, các tộc thiểu số cư trú trên vùng núi Trường Sơn - Tây Nguyên có ngôn ngữ và phong tục tập quán riêng, phù hợp với thiên nhiên, địa bàn nơi sinh sống. Đặc biệt đời sống tâm linh của bà con là cội nguồn của mọi đặc trưng văn hóa phong phú và độc đáo, chính điều này đã góp phần hình thành nên một địa chỉ “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên”, và được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) tôn vinh là “Di sản văn hóa phi vật thể truyền khẩu của nhân loại”.

Đời sống tâm linh đó chính là tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh. Bằng tâm hồn giản đơn, người Tây Nguyên quan niệm rằng rất nhiều những vật mang hình dạng to lớn như núi rừng, sông suối, bến nước, thiên nhiên với mặt trăng, mặt trời, sấm sét, ngôi nhà, cây cổ thụ, bộ ching chêng (cồng, chiêng), chiếc ché, các loài vật... đều có linh hồn.

Và vì có nhiều thần linh như thế nên muốn làm việc gì cũng phải báo cáo, cầu xin, khi được phép

mới tiến hành. Khi có kết quả phải tạ ơn. Không có hiệu quả, làm sai hoặc chưa được phép mà cứ làm là vi phạm sẽ phải tạ lỗi.

Mọi lễ nghi của đồng bào đều xoay quanh ba trục chính: theo lịch sản xuất nông nghiệp; theo chu kỳ vòng đời một con người; và theo những mối quan hệ có được trong hoặc ngoài bộ tộc. Chính vì vậy mà trong năm bà con có nhiều lễ lạt. Một năm sản xuất bắt đầu bằng việc dọn cỏ rẫy chờ mưa xuống, nào gieo trúa, làm cỏ, suốt gùi lúa đầu tiên, cho tới lúc đóng cửa kho sau khi đổ gùi lúa cuối cùng vào bồ... Thu hoạch xong, ngoài việc tạ ơn thần linh đã cho mùa màng no đủ, là mọi việc lớn của con người phải được tiến hành như dựng ngôi nhà mới, sửa nhà cũ hư hỏng, bỏ mả cho người chết, chúc thọ người già, cưới chồng cho con gái, thành niên cho con trai... kéo dài từ nhà này sang nhà khác, từ buôn làng nọ sang buôn làng kia cho đến lúc lại vào tháng dọn rẫy chuẩn bị cho vụ mới... “Mùa ăn năm uống tháng” (*hua mnăm thun mráo*), “tháng nghỉ ngơi” (*khay nín nong*) là thế.

Trong tín ngưỡng đa thần của người Tây Nguyên không có tục thờ cúng tổ tiên, ông bà trực tiếp như người Kinh hay một số dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc. Nhưng như thế không có nghĩa là đồng bào một số dân tộc Tây Nguyên nói chung, đồng bào Ê Đê nói riêng không thờ cúng ông bà, tiên tổ; mà khi ông bà, cha mẹ đã quá cố, tức là ông bà, cha mẹ cũng

hóa thành thần, ma, ngự cùng các thánh thần trên trời - *Yang (Zang)*. Một trong những lễ nghi liên quan tới các mối quan hệ này, thường tổ chức vào “mùa ăn năm uống tháng”, được coi là rất quan trọng của vòng đời người Ê Đê nói riêng và một số tộc người khác ở Tây Nguyên nói chung, đó là lễ bỏ mả - *lui msat* hoặc *pơ thi*.

Theo quan niệm vòng luân hồi, người Ê Đê cũng như một số tộc người ở Tây Nguyên hồn nhiên cho rằng con người chết đi sẽ phải qua 7 lần đầu thai vào các kiếp khác, như con bướm, con nhện, con chó, giọt sương..., rồi sẽ lại được tái sinh làm người. Người ta cũng cho rằng sau khi chết đi, vì tình cảm thương nhớ giữa người sống với người đã chết, mà linh hồn người chết vẫn luôn luôn quanh quẩn bên gia đình, không đi đâu xa khỏi buôn làng. Do đó cần làm lễ bỏ mả, nghĩa là chia lìa chính thức và vĩnh viễn giữa người còn sống và người đã chết, để hồn người chết không còn vấn vương luyến tiếc gì, nhẹ nhàng đầu thai sang kiếp khác. Vì vậy, với đồng bào, nếu như tang lễ mang tính u buồn, thì bỏ mả là sự giải thoát tâm linh cho cả người chết lẫn người còn sống, nên thường diễn ra rất vui vẻ, như một ngày hội.

Theo phong tục Ê Đê, khi gia đình có người chết, trong vòng một năm, vì tình cảm thương nhớ, ngày nào họ cũng phải mang cơm ra mộ cho người chết,

bỏ xuống huyết qua một ống nứa xuyên thẳng từ mặt đất đến nắp quan tài ở phía đầu huyết. Việc tổ chức cho một lễ bỏ mả, trước tiên là căn cứ vào nỗi đau đã vơi đi của những người còn sống, bởi từ nay trở đi không còn phải thăm nom gì ngôi mộ nữa. Yếu tố quan trọng thứ hai, là việc chuẩn bị đầy đủ lương thực và thực phẩm cho cuộc lễ, đặc biệt là những chén rượu cần. Nếu rượu cần được làm bằng nguyên liệu củ mì (sắn) thì chỉ làm trước từ bảy đến mười ngày. Rượu bắp (ngô) sẽ phải ủ lâu hơn. Còn nếu là rượu gạo thì càng để lâu càng thơm ngon, thậm chí người sành uống còn đem chôn xuống dưới đất, để qua vài năm, rượu vàng sánh như màu mật ong và thơm phức. Như vậy, ngoài gạo, cần có bắp hoặc mì. Sau đó là thực phẩm, ngoài các loại rau, thường là cọng môn, đu đủ, rau cải... để làm canh, và nhất thiết phải có đủ heo, gà và đặc biệt là trâu, bò đối với nhà giàu có, người có vai vế trong buôn để làm lễ vật hiến sinh dâng lên các vị thần linh, cho phép linh hồn người đã chết được đón nhận vào thế giới bên kia, hoặc là “về làng ông bà”, để rồi sau đó lại được đầu thai sang kiếp khác.

Sở dĩ việc chuẩn bị lương thực, thực phẩm được coi là yếu tố quan trọng bậc nhất, bởi tính cộng đồng xuyên suốt trong mọi sinh hoạt của các tộc người ở Tây Nguyên. Mỗi chuyện buồn, chuyện vui của một gia đình đều có sự chia sẻ của cả dòng họ, cả buôn

làng. Vì vậy gia chủ phải làm sao có đủ để đãi đằng sự sẻ chia đông đảo ấy.

Lễ bỏ mả thường được tiến hành vào mùa khô, sau khi mùa màng đã thu hoạch xong xuôi, khi lễ ăn cơm mới của gia đình hay lễ cúng bến nước của buôn làng cũng đã qua. Để tránh tốn kém, người ta chọn những năm không có đám cưới hoặc lễ mừng thọ nào phải tổ chức. Chuẩn bị cho lễ bỏ mả, từ vài con trăng (vài tháng) trước ngày đã định, gia đình chủ lễ phải có nhiều cuộc bàn bạc để phân công chịu trách nhiệm từng đầu việc. Nhóm chuẩn bị vật hiến tế và thực phẩm, nhóm dựng nhà mồ, nhóm lấy nước, lấy củi đủ phục vụ cho mấy ngày lễ, nhóm giã gạo, nấu ăn... Chọn ai là người vào rừng chặt cây dựng nhà mồ và cột *Kut*, cột *Klao* mới, ai làm tượng mồ... Khi ngày chính thức đã được chọn, sẽ có người đi báo tin cho những người trong dòng họ ở các buôn gần, buôn xa.

Lễ thường được tổ chức trong ba ngày, vào những tuần trăng sáng.

Ngày đầu tiên, mang theo một ghè rượu nhỏ và con gà ra ngoài ngôi mộ cũ. Thầy cúng (*pô riu yang*) và người phụ nữ chủ gia đình (*khoa sang*) cùng với anh hoặc em trai bà chủ (*dăm dei*) sẽ khấn xin các vị thần linh cho phép gia đình làm lễ bỏ mả. Sau nghi lễ này, việc dọn cỏ, phá bỏ nhà mồ cũ, chặt cây đeo tượng dựng nhà mồ mới bắt đầu được tiến hành. Người ta cũng dựng ngay tại khu mộ một chiếc lều

nhỏ, đốt đồng lửa để đêm đến gia đình và những người tham gia làm nhà mồ có dịp quây quần trò chuyện lần cuối với người đã khuất. Những thành viên đã được phân công từ trước cứ vậy mà thực hiện nhiệm vụ của mình. Cũng bắt đầu từ lúc này, có những sinh hoạt mang tính nghệ thuật trình diễn khác diễn ra ở khu nhà mồ vào những lúc việc nhàn, nhất là khi bóng đêm sập xuống, như hát đối đáp của nam nữ thanh niên, kể *khan* của người già, thối *đinh buốt*, *đinh năm*, hát kể về nỗi nhớ thương, sự chia tay giữa người sống với người đã chết, phụ nữ tụ tập nhau hòa thối *đinh tut...* với nội dung chủ yếu là bày tỏ nỗi lòng với người đã chết, hoặc giữa những người đang cùng chung sống. Lúc này ở nhà chiêm trống cũng đã nổi lên, báo tin cho các vị thần linh và cộng đồng, gia đình vào việc lớn.

Ngày thứ hai, công việc quan trọng nhất là dựng nhà mồ và giết các con vật nuôi làm thịt. Ngay từ hôm trước, những người trong buôn, trong dòng họ, tùy theo hoàn cảnh nhà mình mà tham gia đóng góp với gia chủ. Một lon gạo, một trái bí, gánh rau môn, trái đu đủ, con gà... do những người phụ nữ mang đến trao cho người phụ nữ cao tuổi nhất trong nhà. Còn sáng này, trai tráng trong họ hàng sẽ vác những ghè rượu đến đóng góp, cột một dây bảy ché ở trước nhà mồ, và một dây khác nhiều hơn ở phía trong chiếc lều nghỉ cạnh đó. Dù ít, dù nhiều, gia chủ đều trân trọng đón nhận và cảm ơn.

Công việc ở khu nhà mồ từ mờ sương đã thật náo nhiệt. Những người thợ khéo tay sau khi dùng rìu xẻ những tấm ván, ghép lại thành căn nhà mới, có hai mảnh trắng hình lưỡi liềm ở hai đầu mái, biểu tượng của nhà người chết, họ vẽ các hoa văn lên thành ván, lên những cây cột *gong Kut* dựng bốn góc hàng rào. Những thanh niên to khỏe nhất thì dựng hai cột *gong Klao* cao vút, có hình chóp nhọn trên đầu, cũng đã được vẽ nhiều hình xanh, dựng nối hai đầu mộ với nhau bằng sợi dây da trâu dài, như đường lên làng trời của linh hồn. Người phụ nữ cao tuổi nhất trong nhà xé những mảnh vải đen trắng buộc quanh nhà mồ, lên đầu những bức tượng vừa được dựng lên. Bà vừa buộc vừa thì thầm kể chuyện xưa chuyện nay, nói những lời già biệt với người đã khuất.

Đám phụ nữ quây quanh bếp lửa với những chiếc nồi đồng lớn chỉ được dùng trong những dịp lễ để chế biến các món ăn. Canh được nấu luôn ở ngoài mộ, còn cơm thì nấu từ trong nhà đem ra. Nhóm những trung niên sau khi đã mổ thịt, đem đặt trước chiếc đầu và đuôi lên nhà cúng cơm nơi đầu mộ, lại đang thoăn thoắt với chiếc dao nhỏ xú, sắc lẹm, kẹp giữa hai chân, thái nhỏ những món thịt. Không một giọt nước, mà thịt đã được chia ra làm từng món đặt trên những chiếc nong to chuẩn bị cho mâm cúng. Ngoài chiếc đầu và đuôi trâu, hoặc bò, hay heo, còn phải có đủ các bộ phận khác của con vật như: da, lòng, gan, thịt nạc, huyết... mỗi thứ một ít để chứng

tỏ cho các vị thần linh biết tấm lòng thành. Còn dành cho khách quý đã có món *véch*, bằng toàn bộ lòng phèo của con vật hiến sinh, cay xé lưỡi mà ngon hết biết. Cũng như heo non nướng nguyên cả con trên than hồng da giòn rụm, thơm lừng, là hai món ăn đặc biệt chỉ nấu trong lễ cúng lớn có ăn trâu, ăn bò.

Gần cuối buổi chiều, công việc chuẩn bị xong xuôi, mọi người tụ tập xung quanh ngôi nhà mồ mới đã hoàn tất. Những người thân trong gia đình thì ngồi xúm, tay chống lên đùi, bàn tay đỡ lấy má, một bên nam, bên nữ, ngồi dọc theo hai bên mộ. Thấy cúng ngồi xuống trước chiếc ché *Tuk* to nhất cột ở giữa, chậm rãi hút rượu ra chiếc bát đồng cũng to nhất, đặt lên mâm cúng. Năm hai bàn tay lại với nhau, ông khấn, đại ý lời khấn: “Ơ *Yang Atáo!* Từ nay muốn ăn cơm hồn hỏi thần Gió, muốn uống nước hồn hỏi thần Đất. Xin hồn đừng quanh quẩn bên nhà, để người sống lo chuyện làm ăn. Chúng tôi không còn qua lại thăm nom và khóc thương hồn nữa. Ơ *Yang Atáo!*”.

Chiêng nổi lên dồn dập như muốn thông báo và mời các vị thần linh chứng giám cho việc chia tay vĩnh viễn với người đã khuất. Năm, bảy người phụ nữ cao tuổi trong dòng họ đứng thành hàng ngang trước dãy ché, đôi cánh tay giơ cao theo hình chim giang cánh, ba ngón giữa của bàn tay cụp xuống, ngón cái và ngón út xòe ra như chiếc mỏ chim *Grú*, chậm chậm quay ba vòng trong nghi lễ “vẩy tay mời

các vị thần linh về uống rượu". Cũng lần lượt và chậm rãi như thế, thầy cúng hút rượu trong cả bảy chiếc chén rót vào bảy chén đồng, hoặc bảy ống nửa bày xung quanh mâm cúng.

Bây giờ đến những người thân thiết nhất với người đã chết lần lượt uống rượu chia tay mỗi người một ngụm nhỏ, qua từng chén cho đến hết. Cần rượu (*mnăm mrinh*) phải được chuyển nối từ bàn tay người này sang bàn tay người khác, không để rời tay, theo thứ tự người già, người trẻ, nữ trước, nam sau. Gia chủ lại chuyển sang dĩa chén cột trong lều. Hết người nọ đến người kia, lần lượt cả dòng họ, người thân và bạn bè. Đêm càng đi dần vào sâu trong tiếng *ching* thì quanh khu nhà mồ càng náo nhiệt. Lễ coi như đã hoàn tất, người ta lại tiếp tục những hoạt động diễn xướng, vừa để góp vui với buôn làng, vừa là chia tay với người đi về làng trời, làng ma, cho đến tận lúc mặt trời lên.

Ngày thứ ba, người ta tiếp tục giết các con vật, lấy đầu và đuôi, cùng mỗi thứ một ít, cúng tiếp, thay lượt rượu khác cho những chén rượu đã nhạt. Đến lúc này, ai có việc riêng, có thể tạm biệt gia chủ để ra về. Nhưng thịt của những con vật hôm nay, không chỉ đãi đằng những người đến muộu, những người còn ở lại tham dự cuộc lễ, mà còn chia cho tất cả mọi người đã có mặt, mỗi người một miếng nhỏ, hoặc gói trong lá chuối, lá môn, hoặc xâu vào chiếc que, sợi lạt. Dầu miếng thịt sẽ chẳng đủ nấu bát canh, nhưng

đây là hình thức không thể thiếu ở bất cứ một cuộc cúng tế nào. Không đơn thuần là sự cảm ơn, mà còn là sự sẻ chia vui buồn, gắn bó giữa cộng đồng với nhau.

Mọi người vẫn có thể tiếp tục vui chơi quanh nhà mồ cho tới khi nào lương thực, thực phẩm chuẩn bị cho cuộc lễ cạn. Những đêm bên ngôi mộ sẽ bỏ ấy, sẽ có cả nhịp *ching chêng* và bước chân những vòng *suang* ngực sát ngực, hông sát hông cho những gái trai thành đôi.

Và kể từ khi trồng xong những cây chuối và cây khoai môn ở bốn góc, đóng cửa nhà mồ, dứt hẳn mối quan hệ với người đã khuất, gia đình không còn qua lại thăm nom ngôi mộ nữa. Người chết cũng yên tâm để đầu thai vào một đời sống khác, một hình hài khác. Những ngôi mộ đẹp sẽ được rừng già bao phủ, bí ẩn giữ cho những người đã khuất tan vào lòng đất, hồn thiêng nhập vào xứ sở của ông bà, tổ tiên. Còn người ở lại tiếp tục cuộc sống mới không vương bận gì với quá khứ nữa.

Không riêng chỉ người Ê Đê, đa phần các tộc người ở Tây Nguyên đều có lễ bỏ mả, không ấn định cụ thể số năm chờ đợi. Chỉ riêng phong tục của tộc người Bru - Vân Kiều, người chết sau 25 năm mới được làm lễ bỏ mả. Lễ bỏ mả có thể kéo dài từ ba cho đến năm, hoặc bảy ngày tùy theo mức độ giàu nghèo của gia chủ. Với quan niệm từ bỏ để hồi sinh, đây là một trong những lễ thức lớn và mang tính

nhân văn rất cao của các tộc người Tây Nguyên.

Có thể nói, lễ bỏ mả của người Ê Đê nói riêng và của các dân tộc thiểu số khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung là nét đẹp văn hóa thể hiện cách ứng xử của con cháu đối với ông bà, tổ tiên. Ngày nay, cùng với sự giao thoa văn hóa đến từ nhiều vùng miền, tập tục tang ma của các tộc người một số vùng cũng thay đổi. Hy vọng rằng ở đâu đó giữa những vườn cà phê, cao su ngát xanh, vẫn còn có những *buôn, bon, kon, plei* gìn giữ được tập tục ông bà xưa, cho ngày nào đó tiếng *ching chêng* có dịp náo nức bay lên với tâm hồn con người, gọi bước chân gái trai vào vòng *suang* đêm hội. Và Không gian văn hóa Tây Nguyên - di sản của nhân loại vẫn mãi lưu truyền.

IX NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI MÔNG

“Mặc niệm! Hôm nay là Ba mươi Tết, là ngày cùng tháng tận. Năm cũ đã qua. Năm mới đang đến. Tôi có rượu có thịt, có chỗ cơm ngon, có mẹt bánh dày còn chưa ăn. Trước tiên tôi mời ông bà về hưởng hương hoa, chứng giám cho lòng thành của tôi... Chứng giám cho tôi một năm qua đã gắng công gắng sức làm lụng vất vả khó nhọc để thóc ngô đầy bồ, lợn gà đầy chuồng, mọi người khỏe mạnh, cuộc sống yên lành...”. Đó là mấy câu mở đầu trong bài khấn mời ông bà tiên tổ về ăn ngày Ba mươi Tết của người Mông.

Có thể nói, quan niệm mọi vật có hồn (*pli*) phổ biến trong tộc người Mông. Đa số người Mông ở khắp nơi đều thờ tổ tiên. Theo phong tục của đồng bào, người quá cố sau lễ giỗ mãn tang, không còn là một cá thể nữa, mà hồn thiêng sẽ nhập vào cùng với dòng họ, cũng tựa như các thần thiêng.

Ban thờ của người Mông, đối với nhà giàu có thì cũng cầu kỳ, hoành tráng, lộng lẫy, bày biện nhiều thứ đồ quý. Song đại đa số với nhà dân lao động thì không

nhất thiết phải cầu kỳ. Chỉ cần treo hoặc đóng một mảnh gỗ làm xích đông cao ngang mặt đối diện với cửa chính, đặt lên đó cái lư hương to hay nhỏ tùy theo, đồng thời đặt bốn chiếc chén để đựng rượu khi cúng lễ. Cũng có dòng họ không đặt lư hương trên xích đông mà đặt trên một tấm ghế dài bốn chân, thậm chí có nhà đặt ngay xuống đất, dưới chân tường phía dương. Tuy nhiên theo như chúng tôi được biết thì tại gia đình người anh cả trong gia đình, dòng họ là người chịu trách nhiệm thờ cúng nhất thiết phải có xích đông để thờ tổ tiên, ông bà; còn với những người chưa phải gánh trọng trách này, họ chỉ thờ Thổ địa, Thổ công, các thần Cột chính, thần Buồng, thần Cửa, thần Gia súc gia cầm... thì có thể đặt đồ thờ xuống đất phía dương mà không bị coi là phạm luật.

Việc khẩn cầu tổ tiên, ông bà của người Mông trong một năm thường được tiến hành vào dịp Tết và lễ ăn cơm mới. Ngoài ra, còn có thể khẩn mời khi bắt tay làm những việc trọng đại như dựng nhà, cưới gả, khởi công khai ruộng mới...

Xưa kia người Mông tính lịch một năm chẵn 360 ngày, tức mỗi tháng chẵn 30 ngày, không thừa không thiếu. Vậy nên mới có Tết Mông không trùng với Tết Nguyên đán, cũng không trùng với Tết dương lịch. Ngày Ba mươi tết, nhà nhà dậy thật sớm mổ lợn béo, đồ xôi giã bánh dày là hai món quan trọng nhất để dâng tổ tiên. Riêng bánh dày khi giã nhuyễn, người ta dùng tay dàn một chiếc to để trong cái sàng, gọi là

bánh cái, hay bánh tết (*nduôr vangz, nduôr tsaz*) rồi mới bắt những cái nhỏ. Bánh cái càng to, càng làm được nhiều bánh nhỏ, càng chứng tỏ gia đình ăn nên làm ra. Trong khi mọi người tất bật chuẩn bị món ăn thì gia chủ lặng lẽ làm lễ quét bồ hóng. Tay cầm một nắm chổi bằng cành trúc, tay cầm mẹt, vừa quét miệng vừa lầm rầm khấn, đại ý: “Tôi không quét hồn người, hồn lúa, hồn ngô, hồn súc vật, không quét đi những điều tốt đẹp, không quét đi sự ấm áp... Tôi quét đi cái ốm cái đau, quét đi cái bệnh cái tật, quét đi những điều xúi quẩy... Mong cho một năm mới đủ đầy, phước trường...” . Khi quét, quét từ phía đông sang phía tây, quét xong mang mẹt bồ hóng, rác rưởi đổ về phía mặt trời lặn. Ban thờ được trang hoàng bằng giấy mộc, loại giấy tự chế, chuyên dùng vào việc thờ cúng. Đồng bào dán một loạt giấy mộc bao quanh ban thờ, sau đó dùng giấy trang kim vàng và bạc dán lên phía cao, tùy từng hộ mà chia ra nhiều tầng khác nhau, dán nhiều tờ giấy khác nhau. Nếu nhà có người làm nghề thầy cúng thì ban thờ của thầy được dán giấy trang kim cắt thành nhiều hình thù như mặt trời, những ngôi sao, những con thú gần gũi như trâu, bò, dê, chó... tạo ra một bầu vũ trụ thu nhỏ ở phía trái ban thờ. Nếu nhà có người làm nghề thuốc, nghề đá, nghề rèn, đúc, nghề mộc... cũng dán một hoặc nhiều tờ giấy trang kim về phía trái ban thờ. Các thứ dụng cụ lao động sản xuất tuy do con người chế tác ra nhưng theo quan niệm của

đồng bào chúng cũng có hồn và có cuộc sống công bằng với con người nên được xếp cả vào chỗ ban thờ, ấy là các loại cuốc, thuổng, xẻng, xà beng, khẩu súng kíp... mỗi thứ được dán cho một tờ giấy tạ ơn. Còn vật nuôi như trâu, bò, lợn, chó, gà, ngan, ngỗng... sẽ được cho uống nước bánh dày, đồng thời nơi cửa chuồng được dán cho một tờ giấy tạ ơn.

Cỗ bàn con cháu đã sắp xong, gia chủ rửa chân tay sạch sẽ, quần áo chỉnh tề ngồi xoay lưng vào trong, mặt hướng ra cửa chính bắt đầu cất giọng khấn cầu. Đầu tiên là mời rượu. Tuy rượu đã rót vào chén, thường là bốn chén đặt trên ban thờ nhưng gia chủ vẫn rót thêm một chén cầm tay, tiếp đó mỗi lượt khấn mời, lại một lượt rót xuống chút xíu đổ xuống đất. Mời rượu xong rồi mời thịt. Mời thịt xong thì mời lá gan con lợn vừa mổ. Nhà có của ăn của để nếu nuôi được lợn to chín chục cân, một tạ trở lên có thể mổ sớm từ Hai mươi năm Tết khi thầy cúng trong làng đã cúng khai tết, nhưng ngày Ba mươi vẫn phải mổ thêm một đầu lợn, tức một hơi thở sống để cúng ông bà, tổ tiên. Lá gan cúng ngày Ba mươi tết là của con lợn mới mổ, chứ không dùng lá gan con lợn đã mổ trước đó. Mời lá gan xong thì mời nước luộc thịt. Cuối cùng mới mời bánh dày. Tuy nhiên tùy từng dòng họ, từng gia chủ mà việc thao tác đồ ăn thức uống có thể khác nhau. Riêng với bánh dày, khi gia chủ đọc lời khấn thì không bỏ xuống đất mà bỏ lên trên tấm bánh tết. Trước khi bỏ, gia chủ đã xếp một

tấm bánh thường lên tấm bánh tết. Gia chủ vừa đọc lời khấn, tay vừa vo viên bánh to bằng ngón tay cái, gồm bốn viên hoặc ba viên tượng trưng cho ba hoặc bốn thế hệ, nhưng thông thường là bốn viên vì còn tượng trưng cho bốn phương trời. Như vậy, tấm bánh tết sẽ tượng trưng cho bầu trời; tấm bánh nhỏ tượng trưng cho quê hương xứ sở; còn bốn viên bánh tượng trưng cho muôn loài, cũng là bốn thế hệ trong gia đình. Đại thể lời khấn như nhau nhưng tùy quy ước của từng dòng họ mà khấn mời từ ba đến sáu lớp (bậc) đời, hay còn gọi là dòng. Người Mông khi cúng không có tục lệ xưng quê quán như người Kinh, người Tày, Nùng... mà chỉ xưng tên gia chủ rồi lần lượt khấn gọi ba thế hệ, từ thế hệ cha, bác, chú cùng tất cả những người quá cố dòng đó; tiếp đến là dòng của gia chủ, là con bác, con chú...; tiếp nữa là dòng con, cháu của gia chủ. Như vậy, người thực hành cúng khấn phải thuộc hết tên từng người trong ba thế hệ liên tục, không để sót trường hợp nào. Bởi đồng bào quan niệm, nếu như để sót, hồn người đó sẽ đi lang thang rồi quay trở về quấy quả như gây cho người trong nhà ốm đau, chần nuôi thất bát, cấy trồng thất thu... Song có điều về phía giới nữ thì khấn mời người đến làm dâu, chứ không khấn mời người trong họ mình đã đi làm dâu họ khác. Những ngày tết, linh hồn những người quá cố luôn luôn sum vầy cùng gia đình từ trưa Ba mươi cho đến chiều ngày mồng Ba, tức ngày Ba mươi được khấn

mời một lần, sáng ngày mồng Một của năm mới được khấn mời một lần. Đến chiều ngày mồng Ba tết thì gia chủ làm lễ tiễn biệt, gọi là *xang đangz*. Gia chủ làm cỗ mới rồi khấn tiễn ông bà tổ tiên trở về cố hương nhưng chớ quên “phù hộ độ trì cho con cháu một năm mới ăn nên làm ra, mọi người khỏe mạnh, sản xuất thu hoạch bời bời, chăn nuôi gia súc gia cầm đầy chuồng đầy sân, lời xấu mang theo, lời tốt luôn đậu trên miệng...”. Đến ngày Rằm là ngày Tết Mẹ (*nav tsaz*), con cháu mãi đi chơi tết ở đâu thì mau mau mà về dự lễ tổng kết tết rồi chuẩn bị ra ruộng ra nương. Ông bà tổ tiên được khấn mời một lần nữa cùng về dự lễ và chứng giám cho lòng thành của con cháu. Trong bữa ăn, gia chủ là người cao niên nêu những việc lớn phải làm trong năm, như: phát nương ở đâu; phát nương mới hay rẫy lại nương cũ; đám ruộng nợ tiếp tục khai thêm mấy mảnh; bán con ngựa nào để tậu xe; chuẩn bị vật liệu sửa sang lại nhà cửa; chuẩn bị đồ lễ để cưới con dâu cho con trai...

Ngoài ăn Tết theo lịch của người Mông, lễ ăn cơm mới thực sự là dịp vui hội được mùa của đồng bào. Hằng năm vào chùng cuối tháng Tám, đầu tháng Chín âm lịch, trên những trền ruộng bậc thang bám theo sườn núi dốc, lúa bắt đầu ngả màu vàng, lúc này các bà chủ nhà cất bước rong ruổi quanh những chân ruộng để chọn đám lúa nếp có thể ngắt được. Sau đó huy động nhân lực trong gia đình và bà con lối xóm

cùng ngắt bằng chiếc hái. Chiếc hái (*vur*) làm bằng gỗ, có hình cong như nửa vành trăng, chính giữa gắn một lưỡi dao mỏng, sắc lẹm. Giữa đỉnh vòng cung của chiếc hái khoét một lỗ để xiên một sợi dây. Sợi dây này sẽ khoác lên mu bàn tay. Khi ngắt bông lúa, một tay cầm nắm bông lúa đã ngắt, tay cầm hái dùng hai ngón trỏ và ngón giữa ngoắc giữ bông lúa kéo vào lưỡi hái. Những cum lúa mỡ màng được xếp vào thồ để mang về nhà. Nếu cần lấy rơm sạch thì tãi nắm bông lúa xuống mẹt, một tay giữ, một tay dùng bát cạo những hạt thóc ra. Rơm sẽ được phơi riêng nơi thoáng mát dùng vào việc buộc chổi, đốt rơm lấy tro gội đầu hoặc lấy tro ngâm gạo nếp làm xôi, làm bánh nếp đen, và còn dùng để cho vào lư hương. Nếu không cần rơm thì để cả cum lúa xuống mẹt rồi dùng chân giẫm làm sao cho hạt thóc tách khỏi bông rơm. Thóc được sàng qua loa rồi cho vào chảo rang khô để dễ giã. Còn đồng rơm thơm lừng giò đã thành rỗi nên đàn trâu, bò, dê sẽ được thưởng thức. Nhà nào chỉ chu lo toan cho mẹt gạo nếp non, ấy là nhà sẽ có món cốm. Có cốm nghĩa là cỗ to nhất. Đương nhiên đó là món quà sang trọng nhất dâng biểu tổ tiên, ông bà. Với lúa tẻ, người ta gặt đám lúa chín ưng ý chừng nào đó tùy theo rồi mang về vò hoặc giã. Sau khi loại bỏ rơm rỗi, người ta cho thóc vào chảo rang khô giòn rồi giã gạo. “Oà... thì thụp!”. Ấy là tiếng cối giã bằng sức nước. “Giã nhanh lên! Giã nhanh lên!”. Ấy là cối giã bằng chân, tiếng có vẻ đôn đốc, giục giã.

Hương thơm của lúa non tỏa ngào ngạt khắp làng trên, xóm dưới. Hẳn là vong hồn của tổ tiên, ông bà, những người đã quá cố do tuổi già, những người bị chết do ốm đau, do nhiều lý do đường đột lúc này cũng đang vui vầy xúm quanh cùng con cháu.

Sau khi cỗ bàn đã tươm tất, ông chủ gia đình đã tắm rửa sạch sẽ, áo quần tề chỉnh, trịnh trọng ngồi bên mâm bắt đầu cất giọng ê a ề à: “... *Một năm trời tôi làm lụng cật lực, gặp phải bao vất vả khó nhọc nhưng nhờ có ông bà tiên tổ phù hộ độ trì, nên hồn lúa hồn ngô hồn khoai... đã về. Hạt lúa chắc mẩy, hạt ngô chín bấp, con gà con dê không nhiễm bệnh dịch, mọi người trong nhà khỏe mạnh, đi đến nơi về đến chốn, làm gì được nấy, nói lời không mất lòng ai... Hôm nay tôi nấu bát cơm thơm dẻo, tôi chưa kịp ăn, tôi xin thỉnh cầu ông bà tiên tổ về chứng giám cho lòng thành của tôi và hưởng hương hoa trước tiên...”. Miệng vừa khấn, tay ông vừa lấy ít thịt, hoặc rót rượu, hoặc dùng thìa gỗ xúc vài hạt cơm, vài hạt cốm đổ xuống đất. Có nhà, nhân dịp này còn nhân thể tiến hành lễ cúng giải hạn, lễ cúng các vong hồn lạc lõng hoặc làm lễ chúc phúc cho người già, con trẻ... tạo không khí vừa linh thiêng vừa đầm ấm. Con cháu trong gia đình người đi làm, người đi học ở xa đã tề tựu đông đủ; bà con lối xóm, người thân thích ở xa hay khách khứa được mời cũng đã đều có mặt. Mọi người được ông bà chủ mời lên mâm.*

Xin lưu ý rằng người Mông dù bữa cơm đạm bạc

hay thịnh soạn thì đều ngồi ăn bằng mâm, không bao giờ ngồi bệt xuống đất, với quan niệm chỉ loài vật mới ăn ở dưới thấp. Cũng vì thế, người Mông rất tôn trọng hạt cơm, hạt thóc, họ luôn luôn dạy con cháu không được đánh đổ cơm bừa bãi, bởi họ rất sợ hồn của chúng sẽ bỏ ra ngoài rừng; hoặc ông bà, tiên tổ sẽ mang chúng đi theo làm cho sản xuất lại bại, chăn nuôi thất bát. Từ kính trọng và luôn luôn tưởng nhớ tới ông bà, tổ tiên, người Mông cũng tôn trọng muôn loài, vì chúng cũng là một thực thể sống trực tiếp hoặc gián tiếp giúp cho con người có cuộc sống bình yên, ấm êm. Việc tôn trọng muôn loài còn có ý nghĩa cao hơn, sâu sắc hơn, đồng bào tin rằng hồn của muôn loài sẽ gặp tổ tiên ở cõi âm hay cõi thiên đường và báo với tổ tiên về thái độ cư xử, về đường ăn lối ở của gia chủ để tổ tiên biết mà phù hộ hay trừng phạt. Và đương nhiên con người đang sống ở cõi dương, chắc chắn không ai muốn bị sát phạt, trừng trị. Muốn thế, chỉ có cách là phải sống tốt, cư xử thân thiện với tất cả muôn loài trên thế gian này.

Với quan niệm chết không phải là hết, mà là chuyển hóa sang một dạng sống khác; chết chỉ mất đi về thể xác còn hồn thiêng thì vẫn tồn tại, vẫn quanh quẩn bên người sống; khi chết đi, người chết vẫn cần phải có những đồ dùng thân thiết đã từng gắn bó với con người biết bao đời, vì thế khi đưa thi hài người quá cố về với rừng hoang núi vắng, nhất thiết người ruột thịt phải đưa một con dao, một cây nỏ và một con

gà nhép đã bóp chết để lên trên mộ. Là những người bạn tâm giao của người chết nhưng những thứ đó cũng là đồ dùng cần thiết: con gà để nuôi làm vốn; con dao để làm lụng hằng ngày; còn cây nỏ để săn bắt, cũng là để bảo vệ sinh mạng của chủ nhân. Và trong lễ tang ma, có một công đoạn cực kỳ quan trọng không thể bỏ qua, gọi là nâng tang gia (*tsang shaov chuôz*) phải tiến hành vào ban đêm vì khi đó khách khứa đã vắng. Con cháu đứng nghiêm trang nghe như nuốt lấy từng lời người chủ sự kể lễ biết bao công lao của người quá cố để mà ghi ơn sinh thành, nuôi dưỡng, dạy dỗ. Ý nghĩa trực tiếp của hoạt động này là nâng đỡ, vực dậy, bởi khi người bề trên của họ qua đời, họ sẽ buồn đau như là một cú ngã. Ý nghĩa rộng hơn, đó là giao trách nhiệm cho họ phải chịu tang, tức phải gánh chịu ơn huệ của người quá cố thuộc bề trên, và đó không chỉ là ơn huệ trực tiếp của người mới qua đời, thi hài hãy còn đang quàn trong nhà, mà là ơn huệ, công lao dưỡng dục của bao thế hệ đi trước đã qua, tức đó là truyền thống gia đình, là phong tục, lý lối của dân tộc. Kể xong một đoạn ơn nghĩa nào đó thì con cháu lại quỳ lạy một lần để ghi xương khắc cốt. Vì thế, con cháu phải có nghĩa vụ thực hành tất cả các lễ nghi đúng theo thể thức. Đến lượt thế hệ đó qua đời thì con cháu thế hệ sau lại kế tiếp truyền thống mà thực hành theo đúng bài bản đã định sẵn.

Có thể nói một cá thể người Mông không chỉ thường ngày đối mặt với thiên nhiên khi thì hiền lành

dâng hiến ban tặng, khi thì hung dữ giành giật. Cuộc đời họ, một ngày, một tháng, một năm và cả cõi đời còn đối mặt với các quan hệ tín ngưỡng tâm linh, một ngày không ít nhất một lần phải khuynh tròn hai cánh tay cầu xin sự phù hộ, độ trì của bao tầng lớp tổ tiên tiền bối đã quá cố và các thần, ma xung quanh. Rồi thì một sinh linh nhỏ nhoi mới ra đời, nếu là con gái thì nhau chôn dưới gầm giường; nếu là con trai thì nhau chôn dưới gốc cây cột thần trong nhà để chúng thực hành thiên chức của mình khi lớn lên, trưởng thành. Sau khi sinh được ba ngày, bảy ngày hay mười hai ngày tùy thuộc từng dòng họ uy định mà tổ chức lễ đặt tên, cũng phải có sự hiện diện của tổ tiên chứng giám. Gia chủ đặt một quả trứng sống lên thành bát trơn nghiêng, tay giữ quả trứng, miệng lầm rầm cầu khẩn xin tổ tiên đặt cho đứa trẻ một cái tên cho khớp với vận mệnh của nó. Vô số những cái tên được xướng lên. Quả trứng tự dưng đứng khựng, bỏ tay không đổ, dù khẽ lắc cũng không thể đổ. Thế là tổ tiên đã cho đứa trẻ đúng tên. Tên đó có thể trùng với tên ông nội, bà nội hay ông ngoại, bà ngoại, là những người gần gũi nhất mà không bị coi là phạm húy, hỗn xược, thậm chí còn mang lại niềm tự hào, hãnh diện đối với cha mẹ đứa trẻ và cả đứa trẻ, miễn là không trùng với cha mẹ, anh em ruột thịt. Rồi đến lễ gọi vía, lễ chúc phúc, lễ cưới. Rồi lễ chúc thọ khi tuổi chừng sáu mươi, bảy mươi. Rồi lúc chết phải dựng cả một đám tang quy mô lớn nhỏ tùy theo thanh danh, uy tín,

tuổi tác và mức sống, chưa kể trong trăm năm có mặt trên đời có thể xảy ra bao nhiêu lần ốm đau phải cúng bái, thuốc thang... Phúc đức trùng trùng tùy thuộc phần lớn ở sự phù hộ độ trì của các vị tổ tiên. Hoạn nạn khó nhọc cũng tùy thuộc các vị. Khi thì các vị cho được mùa màng tươi tốt, bắp ngô trĩu hạt, hạt lúa mấy căng, củ khoai, hoa trái lúc lỉu, người người khỏe mạnh, tiếng cười vui không ngớt. Khi thì găng công găng sức cấy trồng mà bắp ngô lúa thừa vài hạt chưa kịp chắc đã nhũn nhão, khóm lúa thì ngổng lên, trắng bạch như đuôi con chuột. Ruộng lúa đang lên xanh mơn mớn, tự dung nguồn nước cạn kiệt, châu chấu, chuột bọ từ đâu xổ ra phá phách tứ tung. Lại có khi con trâu, con ngựa tự dung bỏ cỏ, con lợn nuôi chăn năm tròn lông dài như lông nhím mà vẫn bằng nấy cân. Lại còn khi ông già, bà cả hay con trẻ lẫn ra ốm rên hừ hừ chẳng rõ là bệnh gì để thuốc thang, chẳng rõ là ma quái nào quấy quả mà cúng bái... Ấy thế nhưng họ vẫn cần mẫn chịu đựng, cần mẫn ứng xử, vẫn duy trì tập tục theo những cách thức đã hình thành và tồn tại suốt chiều dài lịch sử không thể dễ quên lãng bài khẩn mời gia tiên, cũng không thể quên bài ca *Răn đường*, một sử thi duy nhất phải đọc lên khi có người tắt hơi thở. Một sự bảo tồn đáng trân trọng, giữ gìn! Nhưng trong toàn bộ kho tri thức dân gian, tuy thời nay có phần, có đoạn đã giản tiện, không có nghĩa là đã loại bỏ, mà chính người dân đang tìm một “lối đi”, một cách ứng xử cho thích hợp.

Ví dụ như đám lễ ma trâu, bò, vài chục năm nay chúng tôi không thấy xuất hiện nữa. Đám lễ này là sự tổng hợp của cả chu trình đám tang ma, tái hiện gần như nguyên xi đám tang và đám giỗ, nên rất cầu kỳ, nhiều công đoạn, đông khách khứa, tốn kém nhiều thời gian, tiền bạc và của cải. Hay như đám cúng giải hạn, mọi người trong gia đình hoặc dòng họ đứng ngồi quần tụ lại, thầy cúng dùng sớ (*màng*) vừa kéo cuốn, vừa khấn cầu xung quanh họ, nay cũng đã vắng. Theo chúng tôi, đó là sự tự điều chỉnh của người dân. Hay như hội Gâu tào, lễ hội chơi xuân đầu năm. Ý nghĩa suy nguyên của lễ hội này là cầu sinh cầu lộc, những năm gần đây đang tiếp tục phát triển, mở rộng, là do đời sống người dân đã sung túc hơn, đã vơi đi những khó nhọc thúc bách. Gia đình nào đó thấy nguy cơ làm ăn sút kém, hay gặp chuyện không may tất phải nhờ đến thầy cúng, thầy bói xem rồi chỉ cho cách thức giải quyết. Nếu cần phải mở hội thì gia chủ loan báo cho mọi người hay. Công đoạn ban đầu là lễ khai hội. Công đoạn cuối cùng là lễ cất hội. Lễ khai hội và lễ cất hội đều có nghi thức cúng khấn tổ tiên tiền bối, thông báo và xin phép tổ tiên cũng như thần Thổ công, Thổ địa. Còn công đoạn giữa là dành cho mọi người nô nức vui chơi. Những ngày hội không sát sinh, không uống rượu say, không cãi vã, ẩu đả..., tức là chỉ diễn ra những điều tốt đẹp. Ngày nay những con đường đã kéo con người lại gần nhau hơn, nên chúng tôi thấy những dịp lễ hội, những dịp

lễ cúng cầu, người từ Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã đến thăm người ở Pha Long, tỉnh Lào Cai, hay người Lào Cai đã đến thăm người ở Thanh Hóa, Hà Giang... Giao lưu được mở rộng, văn hóa truyền thống được bảo lưu, nghĩa tình thêm đậm đà.

X ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI CHĂM AWAL VỚI TỔ TIÊN

Bước vào mùa Ramâwan, người Chăm Awal thực hành tháng chay tịnh. Những nghi lễ quan trọng mà các tín đồ Chăm Awal đều tiến hành là đi tảo mộ, dâng cơm cho tổ tiên, nghi lễ tẩy thể và nghi lễ chay tịnh diễn ra tại các thánh đường Hồi giáo (Sang Magik).

Vào tháng Ramâwan, các gia đình người Chăm Awal tổ chức đi tảo mộ ở các nghĩa trang của dòng tộc. Lễ vật mang đi cúng tảo mộ gồm có trầu cau, trái cây, bánh ngọt, thuốc lá và nước trà... Sau một thời gian dài những nấm mộ đất không được chăm sóc, cỏ mọc đầy, trời mưa và nắng gió làm san lấp bề mặt của ngôi mộ nằm sát liền kề nhau, do đó, khi đến tảo mộ công việc đầu tiên là làm sạch cỏ, vun cát cao lên thành từng dãy hàng mộ ngay thẳng. Chức sắc Po Acar đổ nước thánh tẩy lên từng viên đá trên hàng mộ. Những người đàn ông đã qua nghi lễ Aia karak ngồi trước hàng mộ đọc kinh cầu nguyện, thỉnh mời ông bà, tổ tiên đã khuất về nhà để con cháu cúng kính. Những người phụ nữ khi đi tảo mộ đều mặc áo dài trắng,

quấn khăn brem trắng trên đầu, con cháu trong tộc họ quỳ rạp lạy ông bà tổ tiên khẩn cầu nguyện cầu an. Một gia đình có thể đi tảo mộ ở nhiều nghĩa trang khác nhau, có nơi rất xa với khu vực làng đang sinh sống hiện tại. Nhưng, họ vẫn phải cố gắng đi thăm viếng hết các nghĩa trang của dòng tộc.

Trong mỗi gia đình người Chăm Awal vào tháng Ramâwan đều bố trí một không gian thiêng liêng dùng làm nơi nghỉ ngơi cho tổ tiên. Thông thường, người ta chuẩn bị một tấm phản trên đó có đặt cái gối, coi trầu, ấm nước trà, trái cây và bánh ngọt...

Trước khi dâng cơm, một người đàn ông lớn tuổi thay mặt cho gia đình cúng tổ tiên, rót rượu khẩn mời ông bà tổ tiên về nhà. Lễ vật dâng cúng tổ tiên rất đơn giản, chỉ có gỏi, thịt gà luộc, rượu, trầu cau, bánh trái. Nghi lễ dâng cơm do chức sắc Po Acar hoặc một người đàn ông trong dòng họ đã qua lễ Aia karak thực hiện. Các món ăn dâng lên cho tổ tiên gồm có hai phần lễ vật: mâm chay và mâm mặn. Mâm chay có chè, xôi, chuối, bánh tét và bánh sakaya. Mâm mặn có cơm, canh, thịt gà luộc.

Lần lượt người ta thỉnh mời từng vị tổ tiên đến nhận lễ vật. Những đại gia đình nào có đông tổ tiên thì việc dâng cơm kéo dài rất nhiều thời gian vì người ta sẽ phải thỉnh mời từng vị một và mỗi lần dâng lễ gồm có một món chay và một món mặn.

Lúc dâng cơm thì người phụ nữ, con cháu chấp tay lên đầu cầu nguyện tổ tiên về sum họp, xin tổ tiên hãy

phù hộ độ trì cho gia đình luôn luôn khỏe mạnh, làm ăn phát tài, gia đình đoàn kết, có được cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Khi đã thỉnh mời và dâng cơm xong, người ta đốt trầm hương và đọc kinh chúc phúc kết thúc buổi lễ.

Có thể nói, nghi lễ tảo mộ, nghi lễ dâng cơm cho tổ tiên và nghi lễ chay tịnh nơi các thánh đường... trong tháng Ramâwan của người Chăm Awal là một nét sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo thể hiện nghĩa cử cao đẹp tưởng nhớ về tổ tiên cần được bảo tồn và phát huy nhằm góp phần giáo dục cộng đồng “sống tốt đời đẹp đạo”, xây dựng nông thôn mới ngày một khởi sắc ở các làng Chăm.

XI NGHI LỄ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI LÔ LÔ

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, dân tộc Lô Lô có 4.541 người, địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào ở Hà Giang.

Phong tục của người Lô Lô, khi gia đình có người chết từ 3 đến 4 năm, người con trưởng trong gia đình sẽ lập ban thờ tổ tiên (ông tổ) - tiếng Lô Lô là *dùỵ khế* - và rước hồn lên bàn thờ, lập bài vị (hình người) để thờ cúng. Người Lô Lô cho rằng, tổ tiên là những người thuộc các thế hệ trước, đã sinh ra mình và chia thành hai hệ: tổ tiên gần (*dùỵ khế*) là các ông tổ 3 đến 4 đời và tổ tiên xa (*pờ xi*) là những ông tổ từ đời thứ 5 hoặc thứ 6 trở đi. Các gia đình Lô Lô thường lập ban thờ tổ tiên ở sát vách của gian giữa, đối diện cửa chính, có những hình nhân bằng gỗ, được cắm hoặc cài ở vách phía trên ban thờ tượng trưng cho linh hồn tổ tiên.

Tuy mọi gia đình Lô Lô đều có ban thờ tổ tiên, nhưng lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô thường được tổ chức tại nhà trưởng họ (*thầu chú*) và được dòng họ chuẩn bị trước cả năm. Theo lệ thường, khi làm lễ,

trưởng họ sẽ là người đứng ra sắm lễ. Các gia đình trong dòng họ đóng góp theo khả năng. Lễ vật bắt buộc phải có để dâng cúng tổ tiên gồm: 1 con bò, 1 con lợn, 1 con gà, xôi, rượu, tiền vàng (*phúu khi*), đèn dầu, đôi trống đồng.

Khi dòng họ có kế hoạch làm lễ, trưởng họ phải là người trực tiếp đi mời thầy cúng (trừ khi trưởng họ là thầy cúng thì công việc này do trưởng họ đảm nhiệm) và cử một người đàn ông trong họ đi mượn trống đồng về để làm lễ. Trong cộng đồng người Lô Lô, trống đồng được coi là bảo vật linh thiêng, luôn có đôi. Chiếc trống đồng cái (*giánh đú*) luôn là chiếc trống to, còn trống đực (*giánh kê*) là chiếc trống nhỏ hơn. Đôi trống đồng này chỉ được đem ra đánh khi có lễ hội lớn trong cộng đồng, dòng tộc. Sau đó họ mời nghệ nhân đánh trống đồng tại nhà trong lễ cúng tổ tiên, mời và nhờ người hóa trang thành người rừng, hay còn gọi là ma cỏ (*gà lu ngang*) để múa nghi lễ. Những người hóa trang ma cỏ sẽ cùng nhau đi tìm loại cỏ “su choeo” trên núi. Đây là một loại cỏ dài, mềm, dai, dùng để bện thành trang phục che kín khắp người. Khi hóa trang xong, ma cỏ sẽ “nhảy lễ” cho đến khi kết thúc lễ cúng tổ tiên. Trong giai đoạn đó, họ không được phép ăn, nói; đi đứng không được vấp ngã. Đồng bào cho rằng nếu vấp ngã hoặc bị nhận dạng thì năm đó sẽ gặp xui xẻo. Trong nghi lễ cúng tổ tiên hay lễ cúng tang ma cho người đã khuất của người Lô Lô bắt buộc phải có người “nhảy lễ” trong trang phục ma cỏ. Họ quan niệm rằng, ma cỏ

là nguồn cội của tổ tiên xưa ở trên rừng, lấy cây cỏ làm quần áo, nên khi làm lễ, muốn tổ tiên về được thì phải có ma cỏ là người dẫn đường làm cầu nối giữa con cháu trên trần gian với tổ tiên. Đây là một nghi lễ độ đáo trong các phong tục cổ truyền của người Lô Lô.

Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô gồm ba phần chính: lễ hiến tế, lễ tưởng nhớ và lễ tiễn đưa tổ tiên.

Mở đầu của lễ cúng tổ tiên là lễ hiến tế tổ tiên: thầy cúng chính làm thủ tục trước sự chứng kiến của dòng họ và cộng đồng để báo cáo, mời tổ tiên về dự và hưởng lễ vật do con cháu dâng lên. Sau đó, nghi thức đánh trống đồng được tiến hành. Nghệ nhân nhận hai chén rượu uống cạn và nổi trống, trong khi những người phụ nữ trong nhà mặc trang phục truyền thống nhảy múa và hành lễ theo nhịp trống cùng đoàn ma cỏ. Khi thầy cúng dứt lời mời và báo cáo với tổ tiên, gà được mang đi để làm lễ chín. Gà luộc xong, đôi cánh được dâng lên bàn thờ và thầy cúng làm tiếp nhiệm vụ của mình là dâng cúng tổ tiên đôi cánh. Tiếp đó, con lợn còn sống được đưa ra giữa sân chộc tiết. Thầy cúng khẩn báo cáo với tổ tiên dâng cúng con lợn để tổ tiên nuôi ở cõi vĩnh hằng. Trong lúc thầy cúng đọc lời khẩn dâng lễ, toàn thể trẻ em trong họ có mặt tại buổi lễ quỳ xuống, khoanh tay trước ngực, cúi mặt lắng nghe đến hết bài cúng mới được ngẩng mặt lên và đứng dậy. Vật hiến tế tiếp theo là một con bò, được chộc tiết ngay tại sân. Mục đích của việc con cháu hiến tế bò là mong muốn dâng thức ăn cho tổ tiên trên

đường bay về trời, trở về cõi vĩnh hằng.

Lễ tưởng nhớ tổ tiên do cộng đồng người Lô Lô trong bản cùng với đoàn múa nghi lễ thực hiện. Đoàn múa liên tục đến chiều, cũng là thời điểm kết thúc “lễ tưởng nhớ tổ tiên”. Nhờ niềm tin tâm linh và lòng nhiệt tình mà suốt một ngày lễ, đoàn múa nghi lễ vẫn múa dẻo, nhịp nhàng theo nhịp trống, không hề thấy mệt mỏi.

Khi màn đêm buông xuống, lễ tiễn đưa tổ tiên được bắt đầu trong tiếng trống đồng. Giữa sân, gia chủ đốt một đồng lửa lớn và thầy cúng thưa với tổ tiên về việc “con cháu dâng lễ vật, tiền, vàng để tiễn đưa tổ tiên trở về trời, xin tổ tiên nhận lễ vật do con cháu trong dòng họ dâng lên; người dẫn đường đã có; tổ tiên hãy về trời và phù hộ cho con cháu ở trần gian; tổ tiên hãy yên tâm ở cõi vĩnh hằng...”, rồi thầy cúng đốt tiền, vàng. Lễ cúng kết thúc vào rạng sáng hôm sau.

Lễ vật sau khi hiến tế tổ tiên được chế biến thành các món ăn và chia đều để cảm ơn những người đã giúp dòng họ làm lễ như thầy cúng, những người hóa trang ma cỏ, những người giúp việc nấu nướng, người đánh trống đồng, người cho mượn trống đồng... và mời mọi người đến dự lễ ăn cơm, uống rượu chia vui với gia đình...

Có thể nói, lễ cúng tổ tiên là một trong những sinh hoạt thuộc các nghi lễ vòng đời của người Lô Lô mang tính giáo dục sâu sắc hướng về nguồn cội, biết ơn tổ tiên, tạo sự cố kết cộng đồng gia đình, dòng họ,

làng bản... Đây là nghi lễ mang tính thiêng, đầy chất nghệ thuật, mang đậm bản sắc văn hóa của người Lô Lô cần được bảo tồn và phát huy.

XII NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC KHÁC

1. Sán Dìu

Người Sán Dìu ở Việt Nam có số dân 146.821 người (theo Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009), cư trú chủ yếu ở các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang. Do có lịch sử truyền thống từ lâu đời, người Sán Dìu có một di sản văn hoá độc đáo mang đậm bản sắc tộc người cho đến nay vẫn được duy trì và bảo tồn, trong đó có phong tục thờ cúng tổ tiên.

Trong tín ngưỡng cổ truyền, việc thờ cúng tổ tiên được người Sán Dìu coi trọng hơn cả. Trong các gia đình của người Sán Dìu nhà nào cũng có ban thờ tổ tiên đặt ở nơi trang nghiêm nhất, đó là vị trí sát tường chính gian giữa - gian trung tâm của ngôi nhà. Trên ban thờ đặt một bát hương. Đồng bào thực hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên vào các ngày lễ tết, tuần tiết trong năm. Lễ vật dâng cúng có thể là chay hoặc mặn nhưng có một điều khác biệt là người Sán Dìu không cúng bằng nước trắng mà cúng bằng nước chè. Tùy theo từng dòng họ, người Sán Dìu thờ tổ tiên từ 6 hoặc 7

đến 10 hoặc 12 đời. Đồng bào không có tục làm giỗ mà chỉ làm lễ mừng sinh nhật và mừng thọ cho cha mẹ, ông bà. Cùng với việc thờ cúng tổ tiên, người Sán Dìu còn thờ Mụ, thờ Táo quân, Thổ công.

Ngày nay cuộc sống của đồng bào đã có nhiều thay đổi và cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng của phong tục, văn hóa người Kinh như trang phục, cưới xin... nhưng việc duy trì và lưu giữ các tín ngưỡng dân gian vẫn không bị mai một.

2. Dao Đỏ

Người Dao ở nước ta có các ngành, nhóm địa phương: Dao Đỏ, Dao Lô Gang, Dao Quần Chẹt, Dao Tiền, Dao Quần Trắng, Dao Thanh Y... Đồng bào cư trú chủ yếu ở các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Giang, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Hòa Bình.

Thờ cúng tổ tiên được người Dao Đỏ đặc biệt quan tâm, chú ý. Trong nhà bất cứ người Dao Đỏ nào dù nghèo khổ đến đâu cũng phải có bàn thờ tổ tiên. Đồng bào coi tổ tiên ở trong nhà như thần Bản mệnh. Vì vậy trong gia đình có công việc gì như cưới xin, làm nhà, ốm đau... họ đều cúng khấn đến tổ tiên, báo cáo với tổ tiên, xin tổ tiên phù hộ. Ngoài những lúc có công việc ra họ thường cúng tổ tiên vào dịp từ 25 tháng Chạp đến Rằm tháng Giêng với ý nghĩa mời tổ tiên về cùng con cháu ăn tết, và tỏ lòng tạ ơn tổ tiên một năm qua

đã giúp đỡ con cháu làm ăn thuận lợi, chăn nuôi phát triển, cầu xin bước sang năm mới tổ tiên phù hộ cho mọi người trong gia tộc, dòng họ được khỏe mạnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, gia súc gia cầm phát triển không bị dịch bệnh... Lễ vật dâng cúng là thịt lợn, gà, bánh chưng đen, bánh dày, giấy vàng, tiền âm... Nhà nào không biết cúng phải mời thầy về cúng giúp tại bàn thờ tổ tiên ở gia đình.

Ngày nay nghi lễ này của người Dao Đỏ vẫn được duy trì và là một nét đẹp thể hiện truyền thống và tấm lòng hiếu kính đối với tổ tiên.

3. Arem

Arem là một nhóm địa phương của tộc người Chứt. Địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào ở tỉnh Quảng Bình. Người Arem có tục thờ cúng tổ tiên và cúng ma rừng. Việc cúng tổ tiên (ma nhà) của người Arem rất đơn giản. Đơn giản cả về lý do, lễ cúng và lời cúng. Ví dụ khi có người ở xa đến, có gạo để nấu cơm ăn và rượu ngon để uống, người Arem dùng ngay những thứ đó để cúng tổ tiên. Họ rót rượu ra bát, để giữa nhà, lấy một ít lửa cũng để vào bát và làm sao để cái bát lửa này vẫn cháy lên một ít khói là được. Lời cúng đại ý là nhân có người đến nhà, có gạo ngon nấu cơm, có rượu ngon để uống, xin mời tổ tiên ma nhà cùng ăn cùng uống cho vui và ăn uống xong mong tổ tiên phù hộ cho mọi người khỏe mạnh. Đây là nét đẹp văn hóa cần bảo tồn và phát huy.

4. Bru - Vân Kiều

Người Bru - Vân Kiều, hay còn gọi là Thượng, cư trú chủ yếu ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Ở người Bru - Vân Kiều, thờ cúng tổ tiên (thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc chết ở tuổi 16 trở lên) là một hình thức thờ cúng phổ biến và có vị trí quan trọng nhất trong tín ngưỡng. Sau khi chết được vài ba năm, người ta làm chay (*tor ra pút ta may*) để đưa linh hồn người chết vào trong một nhà thờ nhỏ (*đông sok ku mui*, còn gọi là *ra bo ku mui*). Đó là một nhà sàn nhỏ từ chân cột đến nóc cao khoảng 1,5m, sàn cách mặt đất từ 0,6 đến 0,8m. Nhà có hai mái, một ngắn một dài, xung quanh không có vách liếp. Người ta còn đặt vào đó hai đoạn gỗ con, dẽo thành từng khúc, giả làm cái thang để cho ma lên xuống. Trên sàn, mỗi người chết (*dàng ku mui*) được tượng trưng bằng một bộ đồ thờ gồm một mảnh bát, một mảnh nồi vỡ, một ống gạo, một ống nước và một gói cơm. Những người đã chết, được xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Đây có thể được coi như một tộc phả. *Đông sok ku mui* thường được đặt ở những nơi cao ráo, hẻo lánh, ít người và thú rừng qua lại. Những người thuộc bậc cha ông, sau khi chết vài chục năm, họ hàng, con cháu làm một lễ (*ta tư púp tia*), chuyển từ *dàng ku mui* lên *dàng ka ne*. Thường là hai, ba đời người ta mới làm *ta tư púp tia* một lần. Trong những ngày lễ đó có mở hội đâm trâu, uống rượu cần...

Ngoài *đông sok ku mui*, mỗi gia đình người Bru còn có một bàn thờ riêng (*l'ôngchel*), thờ cúng những người trong gia đình.

5. Chu Ru

Ở nước ta, người Chu Ru cư trú chủ yếu ở các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận. Đồng bào Chu Ru còn bảo lưu nhiều phong tục tập quán như việc thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng đa thần. Lễ cúng tổ tiên (*pokhimôcay*) của người Chu Ru không giống như của người Kinh. Việc hành lễ không có ngày tháng nào nhất định. Có thể hai, ba năm hoặc hai, ba mươi năm mới cúng một lần.

Tùy theo hoàn cảnh kinh tế của mỗi gia đình, mỗi dòng họ. Trong nhà người Chu Ru cũng không có bàn thờ hay bài vị. Họ chỉ lập bàn thờ và tiến hành nghi lễ vào một dịp nào đó ngoài nghĩa địa (*kôtatâu*). Khi có người chết, họ thường giết trâu, bò làm lễ cúng. Đến nay, phong tục đó còn tồn tại trong đời sống của người Chu Ru.

6. Cơ Lao

Người Cơ Lao sinh sống chủ yếu ở Hà Giang. Người Cơ Lao có các nhóm địa phương: Cơ Lao Trắng, Cơ Lao Xanh, Cơ Lao Đỏ. Để tưởng nhớ công lao của các đời xưa và luôn cầu mong được họ phù trợ cho sự may mắn trong cuộc sống, người Cơ Lao thờ cúng tổ tiên

trong phạm vi ba hoặc bốn đời tùy theo từng dòng họ, từng địa phương. Nơi thờ cũng như cách cúng tổ tiên của người Cơ Lao có sự khác nhau ít nhiều giữa các nhóm địa phương do việc ảnh hưởng từ các dân tộc láng giềng. Điểm chung nhất giữa các nhóm là đều chọn một cây cột trong nhà để làm nơi thờ cúng, nơi mời gọi tổ tiên và các thần linh khác về chứng giám lòng thành kính của con cháu. Nhóm Cơ Lao Trắng gọi tổ tiên là "*Bú pu tri*". Nơi thờ tổ tiên của họ ở cột góc trong cùng phía bên trái ngôi nhà (nếu đứng ở trong nhà nhìn ra phía trước), cạnh cửa phụ phía đầu hồi nhà đối diện với nơi ngủ của gia chủ. Bàn thờ đơn giản, chỉ là một xâu xương hàm lợn gài trên vách, cạnh cột thờ (gần đây có thêm giá gỗ nhỏ). Gia đình thờ tổ tiên bao nhiêu đời thì có bấy nhiêu chiếc xương hàm lợn, cũng có khi do trường hợp đặc biệt nhà giết 2 lợn Tết thì cũng gài vào đó cả 2 xương hàm lợn. Theo phong tục, mỗi khi ăn Tết cúng tổ tiên lại bỏ đi một xương hàm cũ nhất và xâu xương mới của con lợn giết năm đó vào. Khi bố chết, sau khi chôn xong bỏ một xương hàm trên bàn thờ đi, nhưng đến Tết lại xâu thêm xương mới vào. Ở cạnh chân cột thờ, có một ống cắm hương. Mỗi khi cúng tổ tiên, phải dùng một cục than hồng đặt trước cột thờ rồi mới rưới ít nước lên, giết gà cúng phải vặt ít lông ở trên đầu gà, quệt vào tiết và dán lên cột - phía trên ống hương, lại lấy vài ba lông cánh gà cắm vào ống hương. Đồng bào cho rằng làm như

vậy tổ tiên mới nhận lễ vật của con cháu mình.

Nơi thờ tổ tiên của người Cơ Lao Xanh ở cột giữa cạnh liếp chỗ tiếp khách. Dấu hiệu để nhận ra nơi thờ là ở chân cột có cắm vài ba que hương, phía gần đỉnh cột - khoảng từ sàn gác trở lên - có buộc một bắp ngô, một que gỗ và ít lông gà. Khi cúng bao giờ cũng phải lấy một cành lá rừng gọi là *loọc cừ* để làm *bi phai* (vật kỵ ma - một cành có hai chạc, dài khoảng 0,5m, đầu mỗi chạc được chẻ ra và gài hai que bắt chéo nhau) gài vào cột. Sau khi cúng xong, *bi phai* được giắt lên mái nhà. *Bi phai* được quan niệm là vật để bảo vệ tổ tiên và hồn lúa.

Nhóm Cơ Lao Đỏ gọi tổ tiên là "*Lao sư củng*". Bàn thờ tổ tiên của người Cơ Lao Đỏ là một giá gỗ treo trên tường ở gian giữa. Trên giá đặt ba ống hương. Ống giữa thờ tổ tiên, hai ống còn lại thờ thần Trồng trọt (*Táy chuống chá*) và thần Chăn nuôi (*Dò xuân khâu*). Dưới gầm bàn thờ có ống hương cắm dưới đất để thờ thần Đất (Thổ Địa). Mỗi khi cúng tổ tiên, lễ vật phải có cơm, thịt và rượu.

Thần Đất tùy từng nơi gọi là *Thu Lí* và *Mí Xấy* là một vị thần quan trọng, không những mỗi gia đình mà toàn bản cũng phải cúng vị thần này. Ở nương của mỗi gia đình còn phải cúng *Eo Mèo*. Người ta tìm một hòn đá có hình thù kỳ dị đặt vào hốc đá ở nơi cao nhất trong nương, coi đó là nơi ở của vị thần nương *Eo Mèo*.

Tết Nguyên đán là tết to nhất. Khác với vùng Hoàng Su Phì, người Cơ Lao ở Đồng Văn không có tục

gói bánh chưng ngày tết (vì vùng đó họ không trồng được lúa). Đồng bào còn ăn các Tết Thanh minh (mùng 3 tháng Ba tảo mộ), Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng Năm, cúng Eo Mèo), Tết rằm tháng Bảy cúng tổ sư nghề mộc và Tết mùng 9 tháng Chín...

7. Cống

Người Cống ở nước ta cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu. Người Cống quan niệm, mọi người đều có linh hồn (*ăng lẹ*). Khi qua đời, linh hồn ấy biến thành “ma”. Và ma tổ tiên luôn được người Cống coi trọng. Theo phong tục, người Cống thường cúng tổ tiên hai, ba đời. Trong gia đình người Cống, người gia trưởng (bố hoặc chồng) bao giờ cũng làm chủ lễ. Nếu người gia trưởng qua đời, công việc chủ lễ sẽ do người vợ đảm nhiệm (vì lúc về nhà chồng, nàng dâu đã thay đổi họ theo nhà chồng), con trai cả dù đã lớn nhưng cũng không được giữ việc cúng lễ. Nhiều khi mẹ không biết cúng nhưng vẫn là người đại diện cúng chung với các con. Chỉ khi cả cha lẫn mẹ qua đời thì người trưởng nam mới được đứng ra lo việc chủ lễ. Nếu anh em chia nhà ra ở riêng thì mỗi người sẽ lập bàn thờ riêng và tự cúng. Người Cống không cúng tổ tiên vào các ngày giỗ, mà thường chỉ cúng vào ngày tết đầu năm, ngày tết cơm mới hay trong nhà có việc hiếu hỷ như cưới hỏi, khi sinh con hay khi bố mẹ chết hoặc trong nhà có trẻ con ốm đau...

Trong ngôi nhà của người Cống, vị trí nơi thờ có khác nhau tùy theo từng dòng họ. Các họ Lò, Chang,

Chảo, bàn thờ tổ tiên thường để trong buồng của bố mẹ, ở phen vách phía trước, giữa hai hàng cột trong buồng. Bàn thờ của họ Ly lại để gần cột cạnh bếp, phía ngoài phen vách ngăn buồng bố mẹ. Bàn thờ của người Cống rất đơn giản, chỉ là một miếng phen nhỏ rộng 0,4m, chiều cao như vách ngăn được buộc áp vào vách cùng với một cọc gỗ dài (nếu vách đan phen kép thì không cần miếng phen nhỏ mà chỉ cần một cọc gỗ như trên là đủ).

Lễ vật cúng tổ tiên của người Cống cũng rất đơn giản, chỉ có bát gạo, ống nước và một con gà nhỏ (sản phẩm từ chăn nuôi và trồng trọt). Người cúng ôm gà, ngồi trước bàn thờ và khấn tổ tiên. Cúng xong giết gà, lấy tiết bôi vào lá dong và gói lá đó cùng vài chiếc lông gà vào vách thờ. Riêng họ Ly khi cúng tổ tiên không cắt tiết gà mà lấy một thanh gỗ đập vào đầu gà cho chết rồi lấy hai lông cánh gà gói vào lá dong và gói lên nơi thờ như các họ khác. Sau khi gà được luộc chín thì cúng lần thứ hai và lại gói ít thịt vào lá dong rồi gói lên vách thờ.

Ngoài cúng tổ tiên, các gia đình còn có tục cúng ma bố mẹ vợ (*mì no tư nghệ*) nhưng mỗi năm chỉ cúng một lần vào dịp Tết, và cúng sau khi cúng tổ tiên. Đôi khi người ta cũng cúng ma này lúc ốm vì họ cho rằng ốm là do ma bố mẹ vợ đòi.

8. Khơ Mú

Người Khơ Mú ở nước ta sinh sống chủ yếu ở các

tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái. Khác với nhiều dân tộc anh em, khái niệm về tổ tiên của người Khơ Mú rất đơn giản. Tổ tiên được hiểu như là “ma nhà” của họ. Người Khơ Mú cho rằng con cháu sống yên ổn, mùa màng bội thu là nhờ tổ tiên phù hộ. Nơi thờ tổ tiên của người Khơ Mú được dựng cạnh bếp lửa. Bàn thờ là một cái mâm đan bằng phên nứa treo sát vách. Người Khơ Mú không thờ ma tổ tiên từ thế hệ ông bà, cụ kỵ. Tổ tiên (*ta dạ*) được hiểu là người đầu tiên sinh ra người cùng một dòng máu với chủ gia đình mình, thường trú ngụ ở một trong ba ông đầu rau ở bếp lửa. Mỗi dòng họ có một nghi thức riêng thờ *ta dạ* và thường giấu không cho người ngoài biết.

9. La Chí

Người La Chí ở nước ta có số dân 13.158 người (theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009), đồng bào cư trú chủ yếu ở tỉnh Hà Giang. Theo phong tục, người La Chí thờ cúng tổ tiên ba đời. Họ không có ngày giỗ như người Việt mà chỉ cúng tổ tiên nói chung vào các dịp tết, ngày lễ. Nét đặc biệt trong mỗi gia đình là có nhiều bàn thờ trong nhà xếp dọc phần vách phía trước theo thứ tự: bàn thờ của bố, của các con út, của các con thứ, trong cùng là bàn thờ của con cả. Trong dãy bàn thờ đó, bàn thờ của con thấp hơn bàn thờ của bố một chút. Mỗi bàn thờ tổ tiên hoàn chỉnh cần phải qua ba lần hay ba cấp cúng.

Sau khi bố đã làm đủ ba cấp thì con trai cả mới bắt đầu được dựng bàn thờ. Anh cả làm xong cả ba cấp, các em mới lần lượt được dựng bàn thờ của mình. Em út làm sau cùng. Cũng cần lưu ý rằng chỉ những đàn ông đã có vợ mới được dựng bàn thờ như vậy. Người góa vợ không có quyền lập bàn thờ.

Đồng bào tin rằng chỉ những người đã cúng đủ ba cấp thì sau khi chết, vợ chồng mới tiếp tục sống với nhau ở “bên kia thế giới” và họ mới được coi là “người già”, được kính trọng trong làng xóm. Có thể đây là tàn dư của lễ thành đinh xưa kia giống như tục cấp sắc của người Dao.

10. Si La

Ở Việt Nam, dân tộc Si La là một trong những dân tộc có số dân ít. Đồng bào cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu và Điện Biên. Khái niệm thờ cúng tổ tiên được người Si La xác định cụ thể là thờ cúng ông bà và cha mẹ đã chết để cầu mong sự che chở. Tổ tiên của họ ở đây chỉ gồm hai lớp. Lớp bố mẹ là đối tượng thờ cúng trong nhà con cái và lớp những người ở thế hệ trên là đối tượng thờ cúng của trưởng họ. Trong mỗi gia đình người Si La đều có bàn thờ bố mẹ (*xì chi*) được làm bằng tấm phen tre hình chữ nhật treo trên vách phía đầu buồng ngủ của chủ nhà, trên đặt hai chiếc chén và một quả bầu khô.

Hằng năm, lễ cúng tổ tiên được tổ chức vào hai dịp

là tết com mới tháng Tám và tết tháng Mười âm lịch, tương ứng với Tết Nguyên đán (*ở xị già*). Vào dịp này, người Si La tổ chức cúng cho cả họ tại nhà trưởng tộc. Theo tục lệ của người Si La, lễ vật cúng tổ tiên phải có thịt sóc, cua, cá bống và một ống rượu cần tượng trưng, cùng vài bông lúa, khoai sọ, bó lá, hạt cườm và sáp ong làm nền đốt. Riêng trong ngày tết com mới, trên mâm cỗ cúng có thêm bánh tày. Lễ vật chuẩn bị xong được dọn thành hai mâm, một mâm dâng cúng ma bố mẹ, một mâm dâng cúng các thế hệ bề trên nữa. Người trưởng họ có nhiệm vụ chủ trì lễ cúng. Nội dung bài khấn là việc dâng lễ vật lên tổ tiên cầu xin tổ tiên phù hộ cho con cháu luôn khỏe mạnh, dòng họ sinh sôi, mùa màng bội thu, gia súc đầy đàn. Sau bữa cơm, trưởng họ có nhiệm vụ giải quyết các công việc liên quan đến dòng họ như hòa giải xích mích (nếu có), và bàn bạc những công việc khác liên quan đến mùa vụ, sản xuất...

Tóm lại, phong tục thờ cúng tổ tiên có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của các dân tộc Việt Nam, là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam, góp phần xây dựng nên những giá trị đạo đức truyền thống như lòng hiếu thảo, tình nhân ái, tinh thần đoàn kết cộng đồng... Vì vậy, phong tục tốt đẹp này luôn cần phải được bảo tồn và phát huy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bốn: *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. Tuấn Nghĩa: *Nghi lễ tang ma của người Hà Nhì ở Lào Cai*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014.
3. Trần Hữu Sơn: *Văn hóa dân gian người Kháng ở Tây Bắc*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2010.
4. Phạm Huy: *Một phần chân dung dân tộc La Hủ - Nhật ký điền dã*, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Lai Châu, 1997.
5. Tư liệu do các tác giả Linh Nga Niê kdam, Hoàng Tương Lai, Bá Minh Truyền... cung cấp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Thờ cúng tổ tiên - Bản sắc văn hóa Việt Nam cần bảo tồn và phát huy	7
Phong tục thờ cúng tổ tiên của các dân tộc Việt Nam	15
I- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày, Nùng	15
II- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Khmer Nam Bộ	29
III- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Thái	38
IV- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Hà Nhì Đen	45
V- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Kháng	54
VI- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Bố Y	63
VII- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người La Hủ	66
VIII- Nét đẹp trong ứng xử với tổ tiên của đồng bào Ê Đê	69
IX- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Mông	81
X- Ứng xử của người Chăm Awal với tổ tiên	96
XI- Nghi lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô	99
XII- Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của một số dân tộc khác	104
	119

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung: NGUYỄN VŨ THANH HẢO
NGUYỄN MINH HIỀN
TRẦN PHƯỢNG TRINH
Trình bày bìa: HÀ LAN
Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: MINH HIỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC LỮ - ThS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN
- TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN Ở VIỆT NAM
XƯA VÀ NAY (HỎI - ĐÁP)

VI HOÀNG - HÀ ANH (Biên soạn)
- BÀI TRỪ HỦ TỤC ĐỂ CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN

TS. PHẠM THANH HÀ
- GIỮ GÌN BẢN SẮC DÂN TỘC VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY



SÁCH KHÔNG BÁN